

Hướng dẫn giao dịch

# CHỨNG KHOÁN PHẢI SINH

dành cho khách hàng

# TCiPro

<b>I. ĐĂNG NHẬP</b>	<b>5</b>
1. Đăng nhập vào tài khoản	6
2. Quên mật khẩu	6
3. Chọn ngôn ngữ	8
3.1. Chọn ngôn ngữ ngoài màn hình đăng nhập	8
3.2. Chọn ngôn ngữ sau khi đăng nhập	9
4. Thông tin tài khoản	9
5. Chọn giao diện	9
6. Menu điều hướng	10
7. Đăng xuất	10
8. Chọn tiểu khoản	11
9. Xem chi tiết thông báo	11
<hr/>	
<b>II. CÁC CHỨC NĂNG</b>	<b>12</b>
1. Giao dịch phái sinh	13
2. Thông tin chi tiết các mã hợp đồng tương lai (HĐTL)	13
2.1. Danh mục chứng khoán phái sinh	14
2.2. Danh mục yêu thích	14
2.3. Thông tin mã hợp đồng và bảng giá	15
2.4. Thông tin	15
2.5. Chi tiết bảng giá	15
2.6. Đồ thị kỹ thuật	15
2.7. Thông tin thị trường	16
2.8. Thông tin vị thế và sổ lệnh	17
2.8.1. Vị thế mở	17
2.8.2. Lệnh đặt	18
2.8.3. Lệnh chờ	19
2.8.4. Lệnh khớp	22
2.8.5. Vị thế đóng	23

2.8.6. Lệnh điều kiện	23
2.8.7. Xác nhận lệnh	26
<b>3. Đặt lệnh phái sinh</b>	26
3.1. Đặt lệnh giới hạn	26
3.2. Đặt lệnh thị trường	29
3.3. Đặt lệnh điều kiện	31
<hr/>	
<b>III. TÀI KHOẢN PHÁI SINH</b>	<b>35</b>
<b>1. Tài khoản</b>	36
1.1. Tổng hợp tài sản	36
1.2. Số dư tiền	37
<b>2. Thanh toán</b>	37
2.1. Nộp tiền	37
2.1.1. Nộp tiền từ TKKQ vào CKPS	39
2.1.2. Nộp tiền từ TKPS vào TKKQ (VSDC)	41
2.2. Rút tiền	41
2.2.1. Rút tiền từ TKPS về TKCS	42
2.2.2. Rút tiền từ TKPS về TKCS	44
2.2.3. Rút tiền từ TKPS ra Ngân hàng	47
2.3. Chứng khoán	47
2.3.1. Nộp chứng khoán ký quỹ	49
2.3.2. Rút chứng khoán ký quỹ	50
2.4. Chức năng khác	50
2.4.1. Tắt toán khoản chậm trả	52
2.4.2. Đăng ký/Hủy nộp rút tiền ký quỹ tự động	53
<b>3. Tra cứu</b>	53
3.1. Lịch sử lệnh	53
3.1.1. Lịch sử khớp lệnh	53
3.1.2. Lịch sử đặt lệnh	54

3.2. Sao kê tài khoản	54
3.2.1. Lãi/lỗ hàng ngày	54
3.2.2. Sao kê giải ngân và thu khoản chậm trả	55
3.2.3. Sao kê vị thế	56
3.2.4. Bảng kê tài khoản	57
3.2.5. Sao kê tài khoản	58
3.2.6. Báo cáo xử lý vi phạm	58
3.3. Lịch sử giao dịch thanh toán	59
3.3.1. Lịch sử GD tiền TTKQ (VSDC)	59
3.3.2. Lịch sử GD tiền TKGD	60
3.3.3. Lịch sử GD tài sản đảm bảo	61
3.3.4. Lịch sử nộp tiền từ TKCS vào TKPS	61
3.3.5. Lịch sử nộp tiền từ TKPS vào TTKQ (VSDC)	62
3.3.6. Lịch sử rút tiền từ TTKQ (VSDC) về TKPS	63
3.3.7. Lịch sử rút tiền từ TKPS về TKCS	64
3.3.8. Lịch sử rút tiền từ TKPS ra ngân hàng	65
3.3.9. Lịch sử tất toán khoản chậm trả	66
3.4. Thông tin	67
3.4.1. Thông tin mã hợp đồng	67
3.4.2. Danh sách CK được ký quỹ	68

## IV. PHỤ LỤC

# ĐĂNG NHẬP

Webtrade TCiPro \_\_\_\_\_



Username



Password

LOGIN



# 1. Đăng nhập vào tài khoản

- Truy cập theo địa chỉ sau: <https://etrade.tcsc.vn/tcsctrade/login>
- Màn hình đăng nhập xuất hiện như hình dưới:



## Bước 1:

Đăng nhập: Nhập các thông tin

- Số tài khoản: là số tài khoản chứng khoán của Khách hàng tại TCSC.
- Mật khẩu: là mật khẩu đăng nhập của Khách hàng.
- Nhấn “Đăng nhập” để thực hiện đăng nhập vào hệ thống.

## Bước 2:

Thay đổi mật khẩu đăng nhập (đối với tài khoản đăng nhập lần đầu tiên): Để đảm bảo tính bảo mật của tài khoản, TCSC khuyến khích Khách hàng đổi Mật khẩu đăng nhập ngay khi đăng nhập vào hệ thống.

# 2. Quên mật khẩu

## Bước 1:

Nhấn vào phần “Quên mật khẩu” trên màn hình đăng nhập khi Khách hàng quên mật khẩu đăng nhập.

Ngôn ngữ: **VIE** HOTLINE: (+84) 28 38 27 05 27

**TCSC**  
CHẤT LƯỢNG TẠO NÊN SỰ KHÁC BIỆT

085C

Mật khẩu

**Đăng nhập**

**Quên mật khẩu**

Mở tài khoản

Theo quyết định số 379/QĐ-UBCK của UBCKNN ban hành ngày 03/06/2021, người dùng cần cho phép truy xuất thông tin nhân dạng thiết bị thông qua các API. Để cài đặt phần mềm, vui lòng ấn vào đây [\(Windows, MAC\)](#).  
**Hướng dẫn cài đặt, ấn vào đây.**

## Bước 2:

Nhập các thông tin sau:

- Số tài khoản: là số tài khoản chứng khoán của Khách hàng tại TCSC.
- Số ĐKSH: thông tin số CMTND/ CCCD/ Hộ chiếu Khách hàng đăng ký tại TCSC.
- Nhấn nút **Yêu cầu** để yêu cầu cấp lại mật khẩu mới. Hệ thống hiển thị thông báo “Giao dịch thực hiện thành công” và gửi mã xác nhận đến số điện thoại hoặc email mà Khách hàng đã đăng ký trên hệ thống.
- Nhấn nút **Quay lại** để quay lại màn hình đăng nhập.

Ngôn ngữ: **VIE** HOTLINE: (+84) 28 38 27 05 27

**TCSC**  
CHẤT LƯỢNG TẠO NÊN SỰ KHÁC BIỆT

**QUÊN MẬT KHẨU**

085C

Số ĐKSH (CMTND)/CCCD, hộ chiếu

**Yêu cầu**


**Quay lại**

TCiPro - Phiên bản tích hợp công cụ phân tích  
TCiSmart - Trải nghiệm giao dịch nhanh chóng thuận tiện

Về TCSC  
Sản phẩm dịch vụ  
Trung tâm nhân tố

**Bước 3:** Đăng nhập lại Tài khoản bằng mật khẩu mới được gửi đến số điện thoại hoặc email tại

**Bước 2:** Hiện thị màn hình Đổi mật khẩu:

- **Mật khẩu cũ:** là mật khẩu vừa được gửi đến số điện thoại hoặc email tại Bước 2.
- **Mật khẩu mới:** do Khách hàng tự chọn, mật khẩu mới phải có chiều dài tối thiểu 8 ký tự.
- **Nhập lại mật khẩu mới:** Nhập lại mật khẩu mới trùng với Mật khẩu mới đã nhập ở trên.
- Nhấn nút **Chấp nhận** để xác nhận việc thay đổi mật khẩu. Đổi mật khẩu thành công, hệ thống sẽ chuyển đến màn hình đăng nhập.
- Nhấn nút **Làm mới** để xoá hết thông tin đã nhập.
- Nhấn **Đăng xuất** để trở về màn hình đăng nhập.
- Mật khẩu nhập vào được hiển thị dưới dạng •••••. Quý khách nhấn vào icon  để hiển thị hoặc ẩn mật khẩu.

## 3. Chọn ngôn ngữ

Khách hàng lựa chọn một trong 03 ngôn ngữ là Tiếng Việt, Tiếng Anh và Tiếng Hoa. Thực hiện lựa chọn ngôn ngữ bằng 2 cách sau:

### 3.1. Chọn ngôn ngữ ngoài màn hình đăng nhập

Chọn ngôn ngữ dưới nút **→ Đăng nhập**

- Khi muốn sử dụng ngôn ngữ Tiếng Việt, nhấn vào chữ VIE.
- Khi muốn sử dụng ngôn ngữ Tiếng Anh, nhấn vào chữ ENG.
- Khi muốn sử dụng ngôn ngữ Trung, nhấn vào chữ 中文.






### 3.2. Chọn ngôn ngữ sau khi đăng nhập

- Nhấn vào biểu tượng  và chọn ngôn ngữ.



## 4. Thông tin tài khoản

- Khách hàng có thể xem thông tin tài khoản đang đăng nhập bằng cách nhấn vào biểu tượng .
- Thông tin bao gồm: Tên Khách hàng và Số tài khoản.



## 5. Chọn giao diện

- Nhấn vào biểu tượng  và chọn giao diện sáng, tối.



## 6. Menu điều hướng



BẢNG GIÁ

CÔNG CỤ PHÂN TÍCH

GIAO DỊCH CƠ SỞ

GIAO DỊCH PHÁI SINH

QUẢN LÝ TÀI KHOẢN

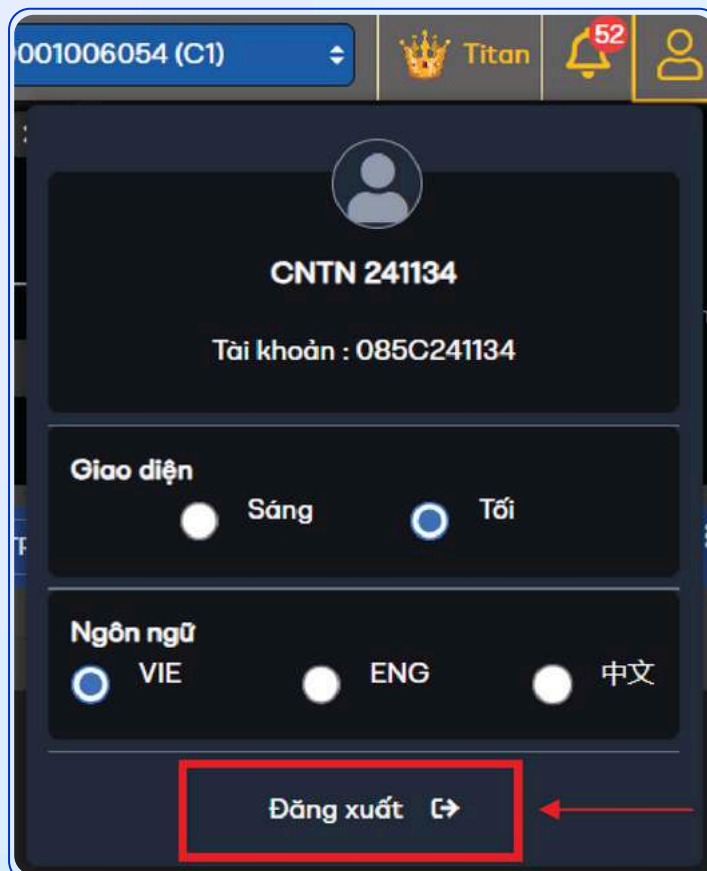
THIẾT LẬP

Gồm:

- **Bảng giá:** Xem bảng giá chứng khoán trực tiếp.
- **Công cụ phân tích:** Truy cập các công cụ phân tích thị trường.
- **Giao dịch cơ sở:** Giao dịch các mã chứng khoán cơ sở (Đặt lệnh cơ bản, đặt lệnh nâng cao, đặt lệnh nhóm, đặt lệnh điều kiện).
- **Giao dịch phái sinh:** Giao dịch các mã chứng khoán phái sinh.
- **Quản lý tài khoản:** Quản lý tài khoản cơ sở và quản lý tài khoản phái sinh.
- **Thiết lập:** Cài đặt và tùy chỉnh các thiết lập cá nhân.

## 7. Đăng xuất

- Nhấn vào biểu tượng  và chọn **Đăng xuất** 




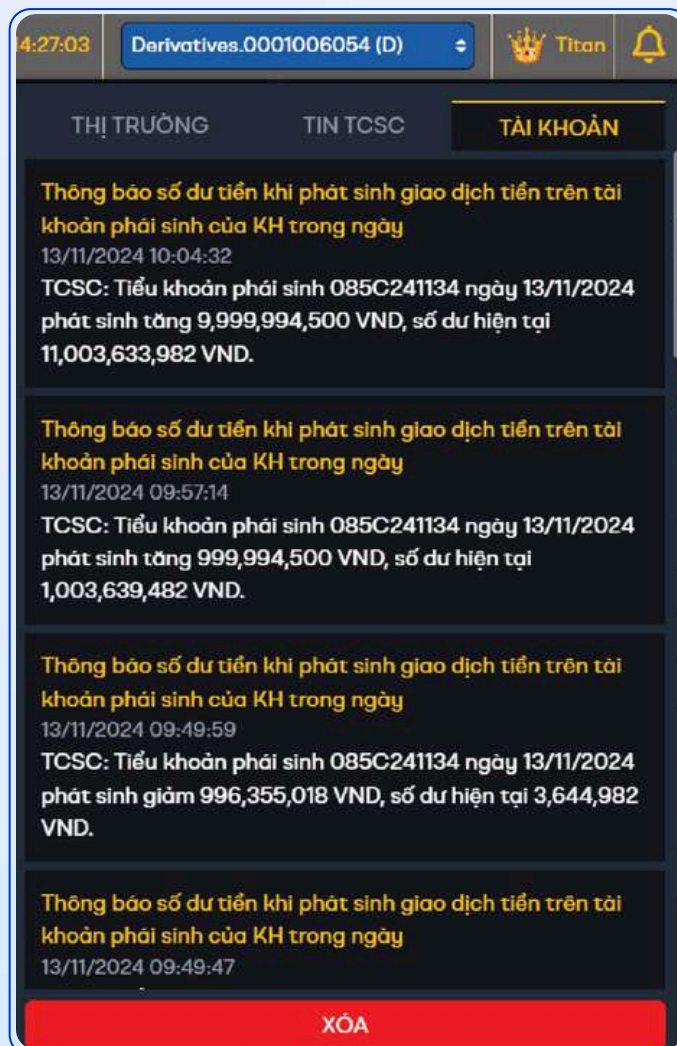
## 8. Chọn tiểu khoản

Nhấn vào ô tiểu khoản trên góc phải màn hình để lựa chọn tiểu khoản, gồm tiểu khoản cơ sở (Thường/ Margin) và tiểu khoản phái sinh.



## 9. Xem chi tiết thông báo

Nhấn vào biểu tượng  ở góc phải màn hình để xem các thông báo trên tài khoản (thông báo khớp lệnh, thông báo tăng giảm tiền...).



# CÁC CHỨC NĂNG

Webtrade TCiPro

---

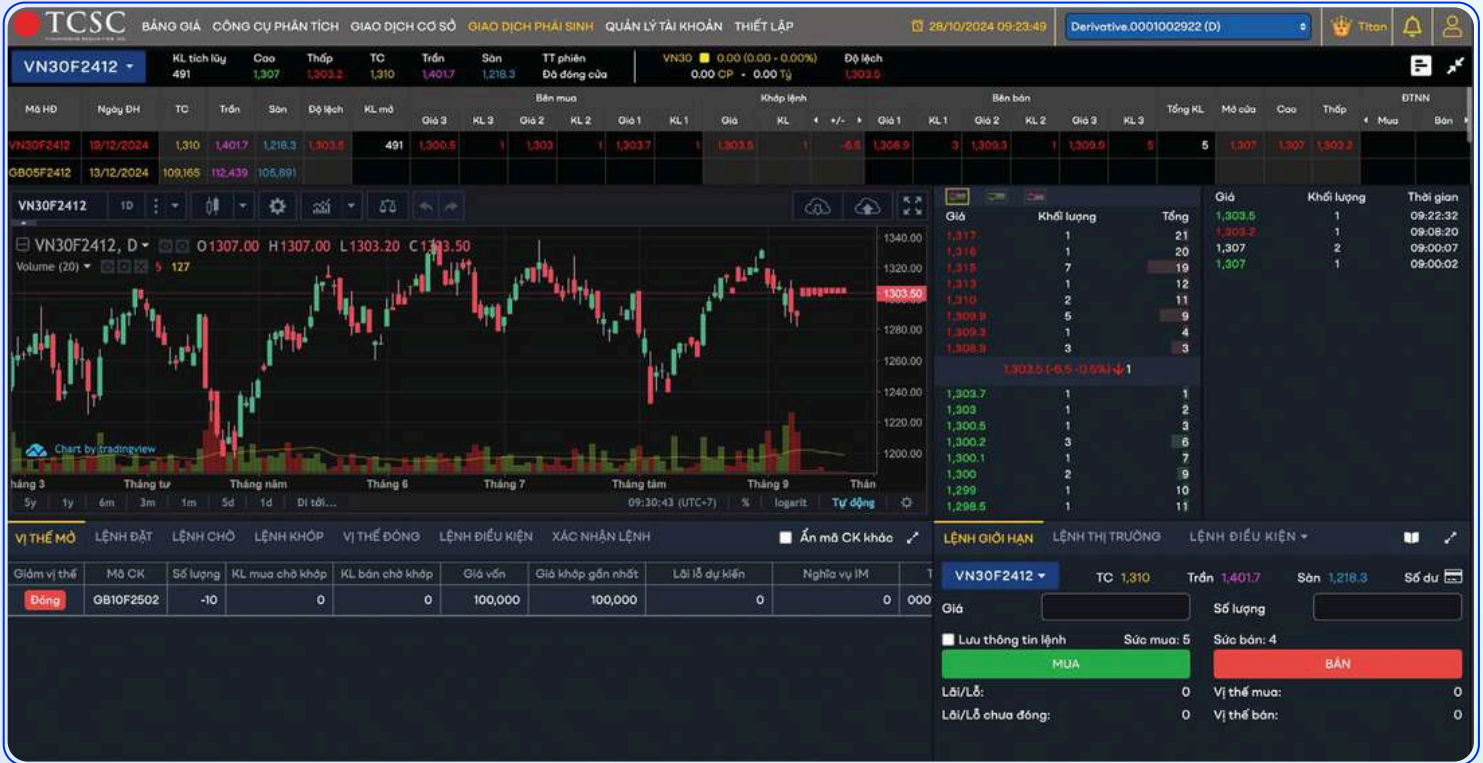


# 1. Giao dịch phái sinh

- Sau khi đăng nhập thành công, Khách hàng lựa chọn **GIAO DỊCH PHÁI SINH** trên thanh công cụ.



Giao diện hiển thị màn hình giao dịch phái sinh như sau:



# 2. Thông tin chi tiết các mã hợp đồng tương lai (HĐTL)

Trên giao diện chính: nhấn vào combobox mã chứng khoán **VN30F2412** để xem thông tin chi tiết các mã HĐTL.



## 2.1. Danh mục chứng khoán phái sinh

VN30F2412 ▾		KL tích lũy	Cao	Thấp	TC
Yêu thích		491	1,307	1,303.2	1,310
		Chứng khoán phái sinh			
Mã CK	TSCS	Ngày ĐH	OI		
★ VN30F2412	VN30	19/12/2024	491		
★ GB05F2412	VGB5	13/12/2024	0		
★ GB05F2503	VGB5	14/03/2025	0		

Tên trường	Ý nghĩa
Mã CK	Mã hợp đồng tương lai
TSCS	Mã tài sản cơ sở của hợp đồng tương lai
Ngày ĐH	Ngày đáo hạn mã chứng khoán
Ngày OI	Khối lượng vị thế mở OI toàn thị trường

- Hiện thị thông tin các mã HĐTL.
- Nhấn chọn 1 dòng bất kì để chọn mã HĐTL muốn giao dịch.
- Nhấn vào nút để chọn mã CK yêu thích.

## 2.2. Danh mục yêu thích

Nhấn vào nút để hiển thị thông tin các mã CK yêu thích gồm các mã hợp đồng đã chọn.

VN30F2412 ▾		KL tích lũy	Cao	Thấp	TC
Yêu thích		491	1,307	1,303.2	1,310
		Chứng khoán phái sinh			
Mã CK	TSCS	Ngày ĐH	OI		
★ VN30F2412	VN30	19/12/2024	491		
★ GB05F2412	VGB5	13/12/2024	0		

## 2.3. Thông tin mã hợp đồng và bảng giá

## 2.4. Thông tin:

- **KL tích lũy:** Khối lượng tích lũy trong ngày của mã được chọn.
- **Cao, Thấp:** Giá cao nhất và thấp nhất trong phiên của mã được chọn.
- **TC:** Giá tham chiếu của mã được chọn.
- **Trần và Sàn:** Giá trần và giá sàn của mã được chọn.
- **TT phiên:** Trạng thái phiên giao dịch (ở đây hiển thị "Đã đóng cửa").
- **VN30 và Độ lệch:** Chỉ số VN30 và độ lệch hiện tại của mã chứng khoán.

## 2.5. Chi tiết bảng giá:

### Danh sách hợp đồng:

- **Mã HĐ và Ngày ĐH:** Hiển thị mã hợp đồng, năm và tháng đáo hạn tương ứng (ví dụ: VN30F2412, trong đó "VN30" là chỉ số VN30; "F" là hợp đồng tương lai; "24" là năm đáo hạn của hợp đồng (2024) và "12" là tháng đáo hạn của hợp đồng).
- **Giá:** Hiển thị giá của các bên mua và bên bán tại các mức giá khác nhau (Giá 1, Giá 2, Giá 3) với khối lượng giao dịch đi kèm.

### "Bên mua" & "Bên bán":

- **Bên mua:** Hiển thị các mức giá và khối lượng lệnh đặt mua của các nhà đầu tư.
- **Bên bán:** Hiển thị các mức giá và khối lượng lệnh đặt bán.
- **Thông tin khớp lệnh:** Phần này cho biết các giao dịch đã được khớp thành công, hiển thị tổng khối lượng, giá khớp và sự thay đổi giá (+/-) so với lần khớp trước đó.

## 2.6. Đồ thị kỹ thuật



- Khung đồ thị giúp Khách hàng quan sát được thị trường.
- Sử dụng biểu đồ (cung cấp bởi TradingView) để theo dõi biến động giá theo thời gian.
- Tùy chỉnh khoảng thời gian hiển thị (5 phút, 1 ngày, 1 tuần, v.v.).



- Các thanh màu sắc biểu diễn khối lượng giao dịch, giúp nhận diện xu hướng tăng hoặc giảm.

## 2.7. Thông tin thị trường

- Khung hiển thị bao gồm các mức giá với khối lượng dự khớp chi tiết và tổng khối lượng hợp đồng giao dịch tại mỗi mức giá.
- Tại mỗi mức giá đều có cột khối lượng dự khớp để Khách hàng có thể nhận biết rõ hơn các mức giá đang có khối lượng dự khớp cao nhất:

Giá	Khối lượng	Tổng	Giá	Khối lượng	Thời gian
			1,303.5	1	09:22:32
1,317	1	21	1,303.2	1	09:08:20
1,316	1	20	1,307	2	09:00:07
1,315	7	19	1,307	1	09:00:02
1,313	1	12			
1,310	2	11			
1,309.9	5	9			
1,309.3	1	4			
1,308.9	3	3			
<b>1,303.5 (-6.5 -0.5%) ↓ 1</b>					
1,303.7	1	1			
1,303	1	2			
1,300.5	1	3			
1,300.2	3	6			
1,300.1	1	7			
1,300	2	9			
1,299	1	10			
1,298.5	1	11			



- Bên cạnh đó còn có bảng hiển thị giá và khối lượng khớp theo các mốc thời gian khớp lệnh.

Giá	Khối lượng	Tổng
1,317	1	21
1,316	1	20
1,315	7	19
1,313	1	12
1,310	2	11
1,309.9	5	9
1,309.3	1	4
1,308.9	3	3
<b>1,303.5 (-6.5 -0.5%) ↓ 1</b>		
1,303.7	1	1
1,303	1	2
1,300.5	1	3
1,300.2	3	6
1,300.1	1	7
1,300	2	9
1,299	1	10
1,298.5	1	11

Giá	Khối lượng	Thời gian
1,303.5	1	09:22:32
1,303.2	1	09:08:20
1,307	2	09:00:07
1,307	1	09:00:02

- Nhấn vào từng biểu tượng tương ứng để lọc ra thông tin thị trường của mã HĐTL loại mua / loại bán hoặc cả mua/bán trên khung thông tin thị trường.

Giá	Khối lượng	Tổng
1,605.1	20	20
<b>1,605 (104.9 6.99%) ↑ 361</b>		
1,605	236	236
1,533	26	262
1,505	100	362
1,501.4	2	364
1,501.2	5	369
1,500.1	2	371
1,500	19	390
1,408	1	391

## 2.8. Thông tin vị thế và sổ lệnh

- Thông tin vị thế bao gồm các cửa sổ, nhằm hiển thị đầy đủ và chi tiết nhất về vị thế của Khách hàng, trong đó:

### 2.8.1. Vị thế mở

- Bao gồm đầy đủ thông tin của mã hợp đồng tương lai đã/đang chờ khớp cùng thông tin về khối lượng, giá.

Giám vị thế	Mã CK	Số lượng	KL mua chờ khớp	KL bán chờ khớp	Giá vốn	Giá khớp gần nhất	Lãi lỗ dự kiến	Nghĩa vụ IM	TKGD
Đóng	V100F2411	1	0	0	1,395	1,401	3,375,000	23,817,000	0001006061
Đóng	V100F2506	2	0	0	1,497	1,605.2	21,640,000	54,576,800	0001006061
Đóng	VN30F2501	-419	0	0	1,605.04	1,605	3,095,000	11,432,415,000	0001006061
Đóng	VN30F2502	-200	0	0	1,567.5	1,395.1	3,449,375,000	4,743,340,000	0001006061

Tab vị thế mở bao gồm các thông tin:

- **Giảm vị thế:** Nhấn vào nút "Đóng" để đóng vị thế nếu muốn chốt lời hoặc cắt lỗ cho mã chứng khoán cụ thể. Nút "Đóng" màu xanh để đóng lệnh Long, nút "Đóng" màu đỏ để đóng lệnh Short.
- **Mã CK:** Mã chứng khoán của vị thế đang mở.
- **Số lượng:** Số lượng hợp đồng cho từng mã chứng khoán, trong đó giá trị âm biểu thị số lượng bán và ngược lại.
- **KL Mua chờ khớp và KL Bán chờ khớp:** Khối lượng lệnh mua và bán đang chờ khớp cho mỗi vị thế.
- **Giá vốn:** Giá vốn của mỗi vị thế, tức là giá mua vào hoặc giá vốn của giao dịch ban đầu.
- **Giá khớp gần nhất:** Giá khớp lệnh gần nhất của mã chứng khoán.
- **Lãi lỗ dự kiến:** Phần này hiển thị lợi nhuận hoặc lỗ dự kiến cho từng vị thế dựa trên giá khớp gần nhất và giá vốn.
- **Nghĩa vụ IM:** Nghĩa vụ ký quỹ cần thiết cho vị thế.
- **TKGD:** Số tài khoản giao dịch của Khách hàng.
- **Net vị thế:** Trạng thái vị thế của tài khoản.

Nhấn nút "Đóng" để đóng vị thế.

Giảm vị thế	Mã CK	Số lượng	KL mua chờ khớp	KL bán chờ khớp	Giá vốn	Giá khớp gần nhất	Lãi lỗ dự kiến	Nghĩa vụ IM	TKGD	Net vị thế
<b>Đóng</b>	GB10F2502	-10	0	0	100,000	100,000	0	0	0001002922	C6
<b>Đóng</b>	VN30F2412	-1	2	1	1,332.5	1,310	2,250,000	19,650,000	0001002922	C6

- Hệ thống tự đổi mã CK mặc định là mã CK được chọn. Tại khung đặt lệnh, giá mua tự động điền vào = giá khớp gần nhất, giá bán tự động điền vào = giá khớp gần nhất, số lượng = số lượng tương ứng để đóng vị thế của mã CK.

Giảm vị thế	Mã CK	Số lượng	KL mua chờ khớp	KL bán chờ khớp	Giá vốn	Giá khớp gần nhất	Lãi lỗ dự kiến	Nghĩa vụ IM	TC	Trần	Sàn	Số dư
<b>Đóng</b>	GB10F2502	-10	0	0	100,000	100,000	0	0	000			
<b>Đóng</b>	VN30F2412	-1	2	1	1,332.5	1,310	2,250,000	19,650,000	000	1,308.9	1,401.7	1,218.3

## 2.8.2. Lệnh đặt

Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại
14:21:32	VN30F2501	Bán	LO	50	1,399	Khớp hết	50	1,605	8,025,000,000	0
14:21:02	VN30F2501	Bán	LO	100	1,400	Khớp hết	100	1,605	16,050,000,000	0
14:14:19	VN30F2501	Bán	LO	15	1,603	Khớp hết	15	1,605	2,407,500,000	0
14:13:21	VN30F2501	Bán	LO	50	1,604	Khớp hết	50	1,605	8,025,000,000	0
14:12:20	VN30F2501	Mua	LO	10	1,605	Lệnh hết hiệu lực	0	0	0	0

Là sổ lệnh hiển thị tất cả các lệnh đặt theo thời gian trong ngày bao gồm các thông tin:

- **Giờ đặt:** Thời gian người dùng đặt lệnh, hiển thị theo giờ-phút-giây.
- **Mã CK:** Mã chứng khoán của lệnh đặt.
- **Mua/Bán:** Loại giao dịch, hiển thị là "Mua" hoặc "Bán" tương ứng với loại lệnh đặt.
- **Loại lệnh:** Loại lệnh được đặt (LO, ATO, ATC, MAK, MOK, MTL).
- **Giá đặt:** Giá mà Khách hàng đặt cho lệnh mua hoặc bán.
- **Trạng thái:** Hiển thị trạng thái hiện tại của lệnh (Chờ gửi, Đã gửi, Đã hủy, Khớp hết, Khớp một phần,...)
- **KL đặt:** Khối lượng đặt ban đầu cho lệnh.
- **KL khớp:** Khối lượng đã khớp tính đến thời điểm hiện tại.
- **Giá khớp TB:** Giá khớp trung bình của lệnh (nếu có khớp).
- **Giá trị khớp:** Giá trị giao dịch đã khớp tính đến thời điểm hiện tại.
- **KL còn lại:** Khối lượng còn lại chưa khớp của lệnh.
- **KL Sửa và KL Hủy:** Khối lượng đã sửa hoặc hủy của lệnh (nếu có).
- **Thường/Thỏa Thuận:** Loại giao dịch, có thể là giao dịch thường hoặc giao dịch thỏa thuận.
- **Người đặt lệnh:** Tên hoặc vai trò của người đặt lệnh.
- **Kênh đặt lệnh:** Thiết bị hoặc kênh mà lệnh được đặt từ đó.

### 2.8.3. Lệnh chờ

VỊ THẾ MÔ	LỆNH ĐẶT	LỆNH CHỜ	LỆNH KHỚP	VỊ THẾ ĐÓNG	LỆNH ĐIỀU KIỆN	XÁC NHẬN LỆNH										
	Hủy	Sửa	Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	KL đặt	Giá đặt	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	Thường/Thỏa thuận	Trạng thái	Kênh đặt lệnh	TKGD	
	Hủy	Sửa	14:18:05	VN30F2412	Mua	1	1,334.9	0	0	0	1	Thông thường	Chờ gửi	Mobile	0001002922	
	Hủy	Sửa	11:50:31	VN30F2412	Mua	1	1,336	0	0	0	1	Thông thường	Chờ gửi	Mobile	0001002922	
	Hủy	Sửa	11:44:46	VN30F2412	Mua	1	1,334	0	0	0	1	Thông thường	Chờ gửi	Mobile	0001002922	
	Hủy	Sửa	10:54:31	VN30F2412	Bán	2	1,332.4	0	0	0	2	Thông thường	Chờ gửi	Mobile	0001002922	
	Hủy	Sửa	09:24:59	VN30F2412	Mua	1	1,327.7	0	0	0	1	Thông thường	Chờ gửi	Mobile	0001002922	

Cửa sổ này giúp Khách hàng quản lý được các lệnh chưa được khớp, gồm các thông tin:

- **Giờ đặt:** Thời gian người dùng đặt lệnh, hiển thị theo giờ-phút-giây.
- **Mã CK:** Mã chứng khoán của lệnh đặt.
- **Mua/Bán:** Loại giao dịch, hiển thị là "Mua" hoặc "Bán" tương ứng với loại lệnh đặt.
- **Loại lệnh:** Loại lệnh được đặt (LO, ATO, ATC, MAK, MOK, MTL).
- **Giá đặt:** Giá mà Khách hàng đặt cho lệnh mua hoặc bán.
- **Trạng thái:** Hiển thị trạng thái hiện tại của lệnh (Chờ gửi, Khớp một phần,...).
- **KL đặt:** Khối lượng đặt ban đầu cho lệnh.
- **KL khớp:** Khối lượng đã khớp tính đến thời điểm hiện tại.
- **Giá khớp TB:** Giá khớp trung bình của lệnh (nếu có khớp một phần).
- **Giá trị khớp:** Giá trị giao dịch đã khớp tính đến thời điểm hiện tại.
- **KL còn lại:** Khối lượng còn lại chưa khớp của lệnh.
- **KL Sửa và KL Hủy:** Khối lượng đã sửa hoặc hủy của lệnh (nếu có).
- **Thường/Thỏa thuận:** Loại giao dịch, có thể là giao dịch thường hoặc giao dịch thỏa thuận.
- **Người đặt lệnh:** Tên hoặc vai trò của người đặt lệnh.
- **Kênh đặt lệnh:** Thiết bị hoặc kênh mà lệnh được đặt từ đó.

**SỬA LỆNH:**

- Bước 1:** Nhấn nút **Sửa** tại dòng lệnh muốn sửa.

VỊ THẾ MỞ		LỆNH ĐẶT	LỆNH CHỜ	LỆNH KHỚP	VỊ THẾ ĐÓNG	LỆNH ĐIỀU KIỆN	XÁC NHẬN LỆNH					
<input type="checkbox"/>	<b>Hủy</b>			Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	KL đặt	Giá đặt	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL chờ
<input type="checkbox"/>	<b>Hủy</b>	<b>Sửa</b>		15:49:39	VN30F2412	Mua	1	1,330.3	0	0	0	
<input type="checkbox"/>	<b>Hủy</b>	<b>Sửa</b>		15:49:34	VN30F2412	Bán	1	1,334.9	0	0	0	
				17:00:14	VN30F2412	Bán	1	1,332.4	0	0	0	

### Sửa lệnh ✕

Số hiệu lệnh: 0068251024000263

Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	KL khớp	Khối lượng	Giá
VN30F2412	Bán	LO	0	<input type="text" value="1"/>	<input type="text" value="1,334.9"/>

THỰC HIỆN
ĐÓNG

**Bước 2:** Nhập các thông tin sửa về Khối lượng hoặc Giá hoặc cả hai.

**Bước 3:**

Nhấn nút **ĐÓNG** để đóng màn hình Sửa lệnh.

Nhấn nút **THỰC HIỆN** để hiển thị màn hình xác thực tài khoản.

### XÁC THỰC LỆNH GIAO DỊCH ✕

Nhập mã OTP

Lưu xác thực cho lần sau

Xác thực
Đóng

**Bước 4:** Nhập mã OTP/SmartOTP và nhấn nút . Màn hình hiển thị thông báo “Đặt lệnh thành công”. Nhấn nút **Đóng** để hủy để quay về màn hình xác nhận sửa.

**HỦY LỆNH:**

**Bước 1:** Nhấn nút **Hủy** tại dòng lệnh muốn sửa.

VỊ THẾ MỞ		LỆNH ĐẶT	LỆNH CHỜ	LỆNH KHỚP	VỊ THẾ ĐÓNG	LỆNH ĐIỀU KIỆN	XÁC NHẬN LỆNH					
<input type="checkbox"/>	Hủy			Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	KL đặt	Giá đặt	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL cở
<input type="checkbox"/>	Hủy	Sửa	15:49:39	VN30F2412	Mua	1	1,330.3	0	0	0		
<input type="checkbox"/>	Hủy	Sửa	15:49:34	VN30F2412	Bán	1	1,334.9	0	0	0		
			17:00:14	VN30F2412	Bán	1	1,332.4	0	0	0		

### Hủy lệnh ✕

Số hiệu lệnh: 0068251024000263

Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	KL khớp	Khối lượng	Giá
VN30F2412	Bán	LO	0	1	1,334.9

THỰC HIỆN
ĐÓNG

**Bước 2:**

- Nhấn nút ĐÓNG để đóng màn hình Hủy lệnh.
- Nhấn nút THỰC HIỆN để hiển thị màn hình xác thực tài khoản.

### XÁC THỰC LỆNH GIAO DỊCH ✕

Nhập mã OTP

86

Lưu xác thực cho lần sau

Xác thực
Đóng

**Bước 3:** Nhập mã OTP/SmartOTP và nhấn nút Xác thực. Màn hình hiển thị thông báo “Hủy lệnh thành công”. Nhấn nút Đóng để hủy và quay về màn hình xác nhận sửa.

### 2.8.4. Lệnh khớp

VỊ THẾ MỞ		LỆNH ĐẶT	LỆNH CHỜ	LỆNH KHỚP	VỊ THẾ ĐÓNG	LỆNH ĐIỀU KIỆN	XÁC NHẬN LỆNH				
Thời gian	Mã CK	Mua/Bán	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	Thường/Thỏa thuận	Phí giao dịch	Thuế giao dịch	TKGD		
11:10:08	GB10F2503	Mua	1	115,000	1,150,000,000	Thông thường	5,000	28,750	0001002922		
10:31:42	VN30F2412	Bán	1	1,332.5	133,250,000	Thông thường	5,000	11,326	0001002922		

Hiển thị các lệnh đã khớp trong ngày với thông tin:

- **Thời gian:** Hiển thị thời gian khớp lệnh theo giờ-phút-giây.
- **Mã CK:** Mã chứng khoán của lệnh đã khớp.
- **Mua/Bán:** Loại giao dịch, hiển thị "Mua" hoặc "Bán" tùy thuộc vào lệnh đã khớp.
- **KL khớp:** Khối lượng lệnh đã khớp.
- **Giá khớp TB:** Giá khớp trung bình cho khối lượng đã khớp.
- **Giá trị khớp:** Giá trị giao dịch đã khớp của lệnh.
- **Thường/Thỏa thuận:** Loại giao dịch.
- **Phí giao dịch:** Chi phí giao dịch phải trả cho mỗi lệnh đã khớp.
- **Thuế giao dịch:** Mức thuế áp dụng cho giao dịch.
- **TKGD:** Số tài khoản giao dịch của Khách hàng.

### 2.8.5. Vị thế đóng

Mã CK	Số lượng đã đóng	Giá vốn	Giá đóng	Chênh lệch giá	Hệ số nhân	Lãi lỗ VM	TKGD
VN30F2412	1	1,332.5	1,307	25.5	100,000	2,550,000	0001002922
GB10F2503	1	115,000	118,345	3,345	10,000	33,450,000	0001002922

Tổng kết các cặp vị thế đã đóng cùng thông tin lãi lỗ và tài khoản giao dịch cho từng mã hợp đồng:

- **Mã CK:** Mã chứng khoán của các vị thế đã đóng.
- **Số lượng đã đóng:** Số lượng hợp đồng của vị thế đã được đóng.
- **Giá vốn:** Giá vốn của vị thế khi mở.
- **Giá đóng:** Giá tại thời điểm đóng vị thế.
- **Chênh lệch giá:** Sự chênh lệch giữa giá vốn và giá đóng, thể hiện sự thay đổi giá trị của vị thế.
- **Hệ số nhân:** Hệ số nhân áp dụng cho hợp đồng tương lai của mã chứng khoán, ví dụ: 100,000 hoặc 10,000.
- **Lãi lỗ VM:** Lợi nhuận hoặc lỗ (VM - Value Margin) của vị thế, được tính dựa trên chênh lệch giá và hệ số nhân.
- **TKGD:** Số tài khoản giao dịch của Khách hàng.

### 2.8.6. Lệnh điều kiện

Hủy	Sửa	Xem	Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	Lệnh ĐK	KL đặt	Giá đặt	Biên độ	Bước giá	Trạng thái	TKGD
<span>Hủy</span>	<span>Sửa</span>	<span>Xem</span>	17:04:08	VN30F2412	Mua	Giá giới hạn	STO	2	1,303.7	0	0	Chờ kích hoạt	0001002922
<span>Hủy</span>	<span>Sửa</span>	<span>Xem</span>	17:04:04	VN30F2412	Mua	Giá giới hạn	STO	2	1,303.7	0	0	Chờ kích hoạt	0001002922
		<span>Xem</span>	17:04:04	VN30F2412	Mua	Giá giới hạn	OCO	2	1,303.7	0	0	Chờ kích hoạt	0001002922
<span>Hủy</span>	<span>Sửa</span>	<span>Xem</span>	17:03:05	VN30F2412	Bán	Giá giới hạn	TSO	2	0	1	0.5	Chờ kích hoạt	0001002922
<span>Hủy</span>	<span>Sửa</span>	<span>Xem</span>	17:02:48	VN30F2412	Mua	Giá giới hạn	TSO	1	0	0.5	0.2	Chờ kích hoạt	0001002922

- Hiển thị thông tin chi tiết các lệnh điều kiện mà Khách hàng đặt gồm các thông tin về mã HĐTL, loại lệnh và thông tin lệnh đặt:

**+ Nút hành động:**

- **Hủy:** Nút màu đỏ cho phép hủy lệnh điều kiện.
- **Sửa:** Nút màu vàng cho phép sửa đổi các thông số của lệnh điều kiện.
- **Xem:** Nút màu xanh lá cho phép xem chi tiết lệnh.

**+ Thông tin lệnh:**

- **Giờ đặt:** Thời gian đặt lệnh điều kiện, hiển thị theo giờ-phút-giây.
- **Mã CK:** Mã chứng khoán của lệnh điều kiện.
- **Mua/Bán:** Loại giao dịch, hiển thị "Mua" hoặc "Bán" tùy thuộc vào lệnh.
- **Loại lệnh:** Loại lệnh được sử dụng.
- **Lệnh ĐK:** Loại lệnh điều kiện như STO, OCO, TSO, BB (Nguyên tắc và cách sử dụng chi tiết cho từng loại lệnh xem tại Phụ lục).
- **KL đặt:** Khối lượng của lệnh điều kiện.
- **Giá đặt:** Giá mà người dùng muốn đặt cho lệnh điều kiện.
- **Biên độ:** Biên độ giá đặt điều kiện TSO.
- **Bước giá:** Bước giá của lệnh điều kiện TSO.
- **Trạng thái:** Hiển thị trạng thái hiện tại của lệnh (Chờ kích hoạt, Đã kích hoạt,...).
- **TKGD:** Số tài khoản giao dịch của Khách hàng.

- Sửa lệnh điều kiện:

**Bước 1:** Nhấn nút **Sửa** tại dòng lệnh muốn sửa.

<b>Hủy</b>	<b>Sửa</b>	<b>Xem</b>	17:16:50	VN30F2412	Bán	Giá giới hạn	STO	1	1,302	0	0
		<b>Xem</b>	17:16:50	VN30F2412	Bán	Giá giới hạn	OCO	1	1,302	0	0
		<b>Xem</b>	17:12:33	VN30F2412	Mua	Giá giới hạn	BB	2	1,303.9	0	0
<b>Hủy</b>	<b>Sửa</b>	<b>Xem</b>	17:04:08	VN30F2412	Mua	Giá giới hạn	STO	2	1,303.7	0	0
		<b>Xem</b>	17:04:08	VN30F2412	Mua	Giá giới hạn	OCO	2	1,303.7	0	0

**Sửa lệnh** ✕

Chi tiết lệnh gốc  
20241028000000011

Mã CK	Mua/Bán	Số lượng	Giá stop	Giá limit
VN30F2412	Bán	<input type="text" value="1"/>	<input type="text" value="1,303"/>	<input type="text" value="1,302"/>

THỰC HIỆN
ĐÓNG

**Bước 2:** Nhập các thông tin sửa về Khối lượng, Giá.

**Bước 3:**

Nhấn nút **ĐÓNG** để đóng màn hình Sửa lệnh.

Nhấn nút **THỰC HIỆN** để hiển thị màn hình xác thực tài khoản.

### XÁC THỰC LỆNH GIAO DỊCH

Nhập mã OTP

Lưu xác thực cho lần sau

Xác thực Đóng

**Bước 4:** Nhập mã OTP/SmartOTP và nhấn nút **Xác thực**. Màn hình hiển thị thông báo “Đặt lệnh thành công”. Nhấn nút **Đóng** để hủy và quay về màn hình xác nhận sửa.

## HỦY LỆNH:

**Bước 1:** Nhấn nút **Hủy** tại dòng lệnh muốn sửa.

VỊ THỂ MỞ	LỆNH ĐẶT	LỆNH CHỜ	LỆNH KHỚP	VỊ THỂ ĐÓNG	LỆNH ĐIỀU KIỆN	XÁC NHẬN LỆNH							
Hủy	Sửa	Xem	Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	Lệnh ĐK	KL đặt	Giá đặt	Biên độ	Bước giá		
<b>Hủy</b>	Sửa	Xem	17:16:50	VN30F2412	Bán	Giá giới hạn	STO	1	1,302	0	0		
		Xem	17:16:50	VN30F2412	Bán	Giá giới hạn	OCO	1	1,302	0	0		
		Xem	17:12:33	VN30F2412	Mua	Giá giới hạn	BB	2	1,303.9	0	0		
<b>Hủy</b>	Sửa	Xem	17:04:08	VN30F2412	Mua	Giá giới hạn	STO	2	1,303.7	0	0		
		Xem	17:04:08	VN30F2412	Mua	Giá giới hạn	OCO	2	1,303.7	0	0		

### Hủy lệnh

Số hiệu lệnh gốc: 202410280000000011

Giá stop: 1,303      Giá limit: 1,302      Khối lượng: 1

Số hiệu lệnh	Giờ đặt	Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	KL đặt	Giá đặt	Trạng thái	KL khớp	KL hủy
202410280000000011	17:16:50	VN30F2412	Bán	Giá giới hạn	1	1,302	Chờ kích hoạt	0	0

THỰC HIỆN      ĐÓNG

## Bước 2:

- Nhấn nút **ĐÓNG** để đóng màn hình Hủy lệnh.
- Nhấn nút **THỰC HIỆN** để hiển thị màn hình xác thực tài khoản.

### XÁC THỰC LỆNH GIAO DỊCH

Nhập mã OTP

Lưu xác thực cho lần sau

Xác thực Đóng



**Bước 3:** Nhập mã OTP/SmartOTP (tùy theo đăng ký xác thực). Nhấn nút **Xác thực** Hiển thị thông báo “Hủy lệnh thành công”. Nhấn nút **Đóng** để hủy và quay về màn hình xác nhận sửa.

### 2.8.7. Xác nhận lệnh:

Lưu ý: Đối với các Khách hàng có đăng ký xác nhận lệnh thì tab xác nhận lệnh mới hiển thị.

VỊ THẾ MỞ   LỆNH ĐẶT   LỆNH CHỜ   LỆNH KHỚP   VỊ THẾ ĐÓNG   LỆNH ĐIỀU KIỆN <b>XÁC NHẬN LỆNH</b>										
<input type="checkbox"/>	Xác nhận	STT	Ngày	TKGD	Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	Kênh đặt lệnh	KL đặt	Giá đặt
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1	25/10/2024	0001002922	VN30F2412	Mua	LO	Tại sàn	1	1,307
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2	25/10/2024	0001002922	GB10F2503	Bán	LO	Tại sàn	1	118,345
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3	25/10/2024	0001002922	VN30F2412	Bán	LO	Tại sàn	1	1,350
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	4	25/10/2024	0001002922	GB10F2503	Mua	LO	Tại sàn	1	115,000
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	5	07/10/2024	0001002922	VN30F2412	Mua	LO	Tại sàn	11	1,307
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	6	07/10/2024	0001002922	VN30F2412	Bán	LO	Tại sàn	1	1,307
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	7	07/10/2024	0001002922	VN30F2412	Mua	LO	Tại sàn	2	1,307
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	8	07/10/2024	0001002922	GB10F2412	Bán	LO	Tại sàn	1	119,041

Hiển thị thông tin chi tiết các lệnh mà Khách hàng đặt gồm các thông tin:

- **STT:** Số thứ tự của lệnh trong danh sách.
- **Ngày:** Ngày đặt lệnh.
- **TKGD:** Số tài khoản giao dịch của Khách hàng.
- **Mã CK:** Mã chứng khoán của lệnh cần xác nhận.
- **Mua/Bán:** Loại giao dịch, hiển thị "Mua" hoặc "Bán" tùy thuộc vào lệnh.
- **Loại lệnh:** Loại lệnh đặt.
- **Kênh đặt lệnh:** Phương thức đặt lệnh.
- **KL đặt:** Khối lượng đặt ban đầu cho lệnh.
- **Giá đặt:** Giá mà người dùng muốn đặt cho lệnh.

## 3. Đặt lệnh phái sinh

### 3.1. Đặt lệnh giới hạn:

- **Bước 1:** Chọn Giao dịch phái sinh và chọn Lệnh giới hạn.
- **Bước 2:** Chi tiết màn hình giao dịch.

Chọn mã HĐTL muốn giao dịch từ danh sách mã. Khi chọn mã chứng khoán, bên phải sẽ hiển thị các thông tin quan trọng như Giá tham chiếu (TC), Giá trần, Giá sàn.

- Nhập khối lượng hợp đồng muốn giao dịch vào trường Số lượng. Có thể sử dụng nút tăng/giảm để điều chỉnh khối lượng giao dịch theo nhu cầu.
- **Giá:** Nhập mức giá mong muốn vào trường Giá. Giá đặt phải nằm trong khoảng giá trần và giá sàn. Sử dụng các nút tăng/giảm để điều chỉnh giá theo bước giá của từng giao dịch.
- **Lưu thông tin lệnh:** Chọn checkbox Lưu thông tin lệnh nếu muốn lưu các thông tin đã nhập.
- **Sức mua:** Hiển thị số hợp đồng tối đa có thể mua dựa trên vốn khả dụng.
- **Sức bán:** Hiển thị số hợp đồng tối đa có thể bán dựa trên các vị thế hiện tại.

**LỆNH GIỚI HẠN**   LỆNH THỊ TRƯỜNG   LỆNH ĐIỀU KIỆN ▾

VN30F2412 ▾   TC 1,310   Trần 1,401.7   Sàn 1,218.3   Số dư

Giá    Số lượng

Lưu thông tin lệnh   Sức mua: 495   Sức bán: 505

MUA   BÁN

Lãi/Lỗ:   0   Vị thế mua:   0

Lãi/Lỗ chưa đóng:   0   Vị thế bán:   0

### Bước 3: Đặt lệnh mua hoặc bán

Nhấn nút MUA để đặt lệnh mua tại giá đã nhập.

Nhấn nút BÁN để đặt lệnh bán tại giá đã nhập.

**Bước 4:** Sau khi chọn nút Mua/Bán để giao dịch, hệ thống sẽ hiển thị màn hình thông tin để xác thực lệnh giao dịch. Nhập mã OTP/SmartOTP để xác thực lệnh. Tích nút để lưu xác thực cho lần sau.

**XÁC THỰC LỆNH GIAO DỊCH** ✕

Nhập mã OTP

Lưu xác thực cho lần sau

Xác thực   Đóng

**Bước 5:** Nhấn nút Xác thực để giao dịch. Sau khi xác thực lệnh thành công, lệnh được hiển thị lên Lệnh chờ ở hình bên dưới:

Hủy	Giá đặt	Mã CK	Mua/Bán	KL đặt	Giá khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	Thường/Thỏa thuận	Trạng thái	Kênh đặt lệnh	TKGD
	09:33:04	VN30F2412	Mua	20	1,304	0	0	20	Thông thường	Chờ gửi	Online	0001002922
	17:16:50	VN30F2412	Bán	1	1,304	0	0	1	Thông thường	Chờ gửi	Online	0001002922
	17:12:33	VN30F2412	Mua	2	1,303.9	0	0	2	Thông thường	Chờ gửi	Online	0001002922
	17:04:08	VN30F2412	Mua	2	1,303	0	0	2	Thông thường	Chờ gửi	Online	0001002922
	17:04:05	VN30F2412	Mua	2	1,303	0	0	2	Thông thường	Chờ gửi	Online	0001002922

**Lưu ý:**

- Sau khi xác thực ở Bước 5, hệ thống sẽ không yêu cầu mã xác thực cho các lệnh đặt tiếp theo cho đến khi thoát ra và đăng nhập lại tài khoản.
- Sau khi lệnh khớp, có thể theo dõi lãi hoặc lỗ dự kiến trong trường Lãi/Lỗ.
- Lãi hoặc lỗ từ các vị thế chưa đóng sẽ được hiển thị trong trường Lãi/Lỗ chưa đóng.
- Khách hàng có thể theo dõi số lượng vị thế mua hoặc bán trong trường Vị thế mua/bán sau khi lệnh được thực hiện để quản lý giao dịch hiệu quả.

LỆNH GIỚI HẠN		LỆNH THỊ TRƯỜNG		LỆNH ĐIỀU KIỆN	
VN30F2412	TC 1,310	Trần 1,401.7	Sàn 1,218.3	Số dư	
Giá	<input type="text"/>	Số lượng	<input type="text"/>		
<input type="checkbox"/> Lưu thông tin lệnh	Sức mua: 475	Sức bán: 525			
<b>MUA</b>		<b>BÁN</b>			
Lãi/Lỗ:	12,000,000	Vị thế mua:	20		
Lãi/Lỗ chưa đóng:	12,000,000	Vị thế bán:	0		

- Có thể xem thêm chi tiết số dư của tài khoản bằng cách nhấn vào biểu tượng Số dư thông tin chi tiết về số dư tài khoản sẽ hiển thị, giúp dễ dàng theo dõi và quản lý tài khoản trong quá trình giao dịch.

Chi tiết tài khoản	
Giá trị tài sản ròng	2,096,293,523,150
Giá trị tài sản hợp lệ	2,096,281,523,150
Tiền tại CTCK	1,304,968,033
Tiền chờ ký quỹ	131,642,070
Tiền chờ rút	46,036,039,674
Chứng khoán ký quỹ	6,623,970
Chứng khoán ký quỹ hợp lệ	0
Số tiền được rút tối đa	1,300,626,353
Tổng nghĩa vụ ký quỹ duy trì	510,900,000
Nghĩa vụ ký quỹ khớp	393,000,000
Nghĩa vụ ký quỹ chờ khớp	117,900,000
Lỗ vị thế	0
Nghĩa vụ ký quỹ chuyển giao	0
Tỷ lệ sử dụng TKGD	0.02
Tỷ lệ an toàn	50%
Tỷ lệ cảnh báo lần 1	70%
Tỷ lệ cảnh báo lần 2	80%

### 3.2. Đặt lệnh thị trường:

**Bước 1:** Chọn Giao dịch phái sinh và chọn Lệnh thị trường.

**Bước 2:** Chi tiết màn hình giao dịch.

Chọn mã HĐTL muốn giao dịch từ danh sách mã. Khi chọn mã chứng khoán, bên phải sẽ hiển thị các thông tin quan trọng như Giá tham chiếu (TC), Giá trần, Giá sàn.



- Chọn loại lệnh (ATO, ATC, MTL, MAK, MOK) muốn giao dịch từ danh sách.



- Nhập khối lượng hợp đồng muốn giao dịch vào trường Số lượng. Có thể sử dụng nút tăng/giảm để điều chỉnh khối lượng giao dịch theo nhu cầu.
- **Lưu thông tin lệnh:** Chọn checkbox Lưu thông tin lệnh nếu muốn lưu các thông tin đã nhập.
- **Sức mua:** Hiển thị số hợp đồng tối đa có thể mua dựa trên vốn khả dụng.
- **Sức bán:** Hiển thị số hợp đồng tối đa có thể bán dựa trên các vị thế hiện tại.



**Bước 3:** Đặt lệnh mua hoặc bán

 Nhấn nút MUA để đặt lệnh mua tại giá đã nhập.

 Nhấn nút BÁN để đặt lệnh bán tại giá đã nhập.

**Bước 4:** Sau khi chọn nút Mua/Bán để giao dịch, hệ thống sẽ hiển thị màn hình thông tin để xác thực lệnh giao dịch. Nhập mã OTP/SmartOTP để xác thực lệnh. Tích nút để lưu xác thực cho lần sau.

**XÁC THỰC LỆNH GIAO DỊCH** ✕

Nhập mã OTP

Lưu xác thực cho lần sau

Xác thực
Đóng

**Bước 5:** Nhấn nút Xác thực để giao dịch. Sau khi xác thực lệnh thành công, lệnh được hiển thị ở tab Lệnh chờ ở hình bên dưới:

▼ Hủy	Thời gian	Mã CK	Mua/Bán	KL đặt	Giá đặt	KL khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	KL còn lại	Thuận/Thối thuận	Trạng thái	Kênh đặt lệnh	TKGD
<span style="background-color: #F44336; color: white; padding: 2px;">Hủy</span>	10:10:41	VN30F2412	Mua	10	1,398.4	0	0	0	10	Thông thường	Chờ gửi	Online	0001002922
<span style="background-color: #F44336; color: white; padding: 2px;">Hủy</span> <span style="background-color: #FFD700; color: black; padding: 2px;">Sửa</span>	17:16:50	VN30F2412	Bán	1	1,304	0	0	0	1	Thông thường	Chờ gửi	Online	0001002922
<span style="background-color: #F44336; color: white; padding: 2px;">Hủy</span> <span style="background-color: #FFD700; color: black; padding: 2px;">Sửa</span>	17:12:33	VN30F2412	Mua	2	1,303.9	0	0	0	2	Thông thường	Chờ gửi	Online	0001002922
<span style="background-color: #F44336; color: white; padding: 2px;">Hủy</span> <span style="background-color: #FFD700; color: black; padding: 2px;">Sửa</span>	17:04:08	VN30F2412	Mua	2	1,303	0	0	0	2	Thông thường	Chờ gửi	Online	0001002922
<span style="background-color: #F44336; color: white; padding: 2px;">Hủy</span> <span style="background-color: #FFD700; color: black; padding: 2px;">Sửa</span>	17:04:05	VN30F2412	Mua	2	1,303	0	0	0	2	Thông thường	Chờ gửi	Online	0001002922

**Lưu ý:**

- Sau khi xác thực ở Bước 5, hệ thống sẽ không yêu cầu mã xác thực cho các lệnh đặt tiếp theo cho đến khi thoát ra và đăng nhập lại tài khoản.
- Sau khi lệnh khớp, người dùng có thể theo dõi lãi hoặc lỗ dự kiến trong trường Lãi/Lỗ.
- Lãi hoặc lỗ từ các vị thế chưa đóng sẽ được hiển thị trong trường Lãi/Lỗ chưa đóng.
- Khách hàng có thể theo dõi số lượng vị thế mua hoặc bán trong trường Vị thế mua/bán sau khi lệnh được thực hiện để quản lý giao dịch hiệu quả.

LỆNH GIỚI HẠN
LỆNH THỊ TRƯỜNG
LỆNH ĐIỀU KIỆN ▼

VN30F2412 ▼

TC 1,310
Trần 1,401.7
Sàn 1,218.3
Số dư

Loại lệnh MTL ▼

Lưu thông tin lệnh

Số lượng

Sức mua: 465

Sức bán: 535

MUA

BÁN

Lãi/Lỗ:	12,000,000	Vị thế mua:	20
Lãi/Lỗ chưa đóng:	12,000,000	Vị thế bán:	0

- Có thể xem thêm chi tiết số dư của tài khoản bằng cách nhấn vào biểu tượng số dư thông tin chi tiết về số dư tài khoản sẽ hiển thị, giúp dễ dàng theo dõi và quản lý tài khoản trong quá trình giao dịch.

LỆNH GIỚI HẠN
LỆNH THỊ TRƯỜNG
LỆNH ĐIỀU KIỆN ▾

VN30F2412 ▾

TC 1,310

Trần 1,401.7

Sàn 1,218.3

Số dư

Loại lệnh

MTL ▾

Số lượng

Lưu thông tin lệnh

Sức mua: 465

Sức bán: 535

MUA

BÁN

Lãi/Lỗ: 12,000,000

Vị thế mua: 20

Lãi/Lỗ chưa đóng: 12,000,000

Vị thế bán: 0

**Chi tiết tài khoản** ✕

Giá trị tài sản ròng	2,096,293,523,150
Giá trị tài sản hợp lệ	2,096,281,523,150
Tiền tại CTCK	1,304,968,033
Tiền chờ ký quỹ	131,642,070
Tiền chờ rút	46,036,039,674
Chứng khoán ký quỹ	6,623,970
Chứng khoán ký quỹ hợp lệ	0
Số tiền được rút tối đa	1,300,626,353
Tổng nghĩa vụ ký quỹ duy trì	510,900,000
Nghĩa vụ ký quỹ khớp	393,000,000
Nghĩa vụ ký quỹ chờ khớp	117,900,000
Lỗ vị thế	0
Nghĩa vụ ký quỹ chuyển giao	0
Tỷ lệ sử dụng TKGD	0.02
Tỷ lệ an toàn	50%
Tỷ lệ cảnh báo lần 1	70%
Tỷ lệ cảnh báo lần 2	80%

### 3.3. Đặt lệnh điều kiện:

**Bước 1:** Chọn Giao dịch phái sinh và chọn Lệnh điều kiện và chọn loại lệnh muốn giao dịch (Stop Up, Stop Down, Trailing Long, Trailing Short, OCO, Bull&Bear).

LỆNH GIỚI HẠN
LỆNH THỊ TRƯỜNG
LỆNH ĐIỀU KIỆN ▾

VN30F2412 ▾

TC

Sàn 1,218.3

Số dư

Giá stop

Giá limit

Lưu thông tin lệnh

Sức mua: 535

MUA

BÁN

Lãi/Lỗ: 12,000,000

Vị thế mua: 20

Lãi/Lỗ chưa đóng: 12,000,000

Vị thế bán: 0

**Bước 2:** Chi tiết màn hình giao dịch

Chọn mã HĐTL muốn giao dịch từ danh sách mã. Khi chọn mã chứng khoán, bên phải sẽ hiển thị các thông tin quan trọng như Giá tham chiếu (TC), Giá trần, Giá sàn.



- **Giá:** Nhập mức giá mong muốn vào trường Giá. Sử dụng các nút tăng/giảm để điều chỉnh giá theo bước giá của từng giao dịch.
- Nhập khối lượng hợp đồng muốn giao dịch vào trường Số lượng. Có thể sử dụng nút tăng/giảm để điều chỉnh khối lượng giao dịch theo nhu cầu.
- **Lưu thông tin lệnh:** Chọn checkbox Lưu thông tin lệnh nếu muốn lưu các thông tin đã nhập.
- **Sức mua:** Hiển thị số hợp đồng tối đa có thể mua dựa trên vốn khả dụng.
- **Sức bán:** Hiển thị số hợp đồng tối đa có thể bán dựa trên các vị thế hiện tại.

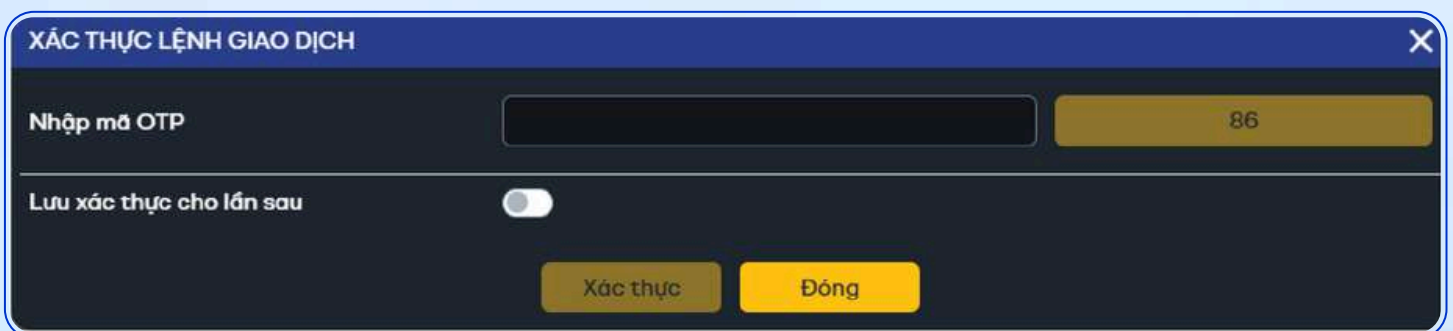


### Bước 3: Đặt lệnh mua hoặc bán

Nhấn nút để đặt lệnh mua tại giá đã nhập.

Nhấn nút để đặt lệnh bán tại giá đã nhập.

**Bước 4:** Sau khi chọn nút Mua/Bán để giao dịch, hệ thống sẽ hiển thị màn hình thông tin để xác thực lệnh giao dịch. Nhập mã OTP/SmartOTP để xác thực lệnh. Tích nút để lưu xác thực cho lần sau.



**Bước 5:** Nhấn nút để giao dịch. Sau khi xác thực lệnh thành công, lệnh được hiển thị ở tab Lệnh chờ ở hình bên dưới:

Vị thế mở	Lệnh đặt	Lệnh chờ	Lệnh khớp	Vị thế đóng	Lệnh điều kiện	Xác nhận lệnh							
Hủy	Sửa	Xem	Giá đặt	Mã CK	Mua/Bán	Loại lệnh	Lệnh ĐK	KL đặt	Giá đặt	Biên độ	Bước giá	Trạng thái	TKGD
Hủy	Sửa	Xem	11:48:50	VN30F2412	Bán	Giá giới hạn	STO	10	1,303.5	0	0	Chờ kích hoạt	0001002922

**Lưu ý:**

- Sau khi xác thực ở Bước 5, hệ thống sẽ không yêu cầu mã xác thực cho các lệnh đặt tiếp theo cho đến khi thoát ra và đăng nhập lại tài khoản.
- Sau khi lệnh khớp, người dùng có thể theo dõi lãi hoặc lỗ dự kiến trong trường Lãi/Lỗ.
- Lãi hoặc lỗ từ các vị thế chưa đóng sẽ được hiển thị trong trường Lãi/Lỗ chưa đóng.
- Khách hàng có thể theo dõi số lượng vị thế mua hoặc bán trong trường Vị thế mua/bán sau khi lệnh được thực hiện để quản lý giao dịch hiệu quả.

LỆNH GIỚI HẠN LỆNH THỊ TRƯỜNG STOP UP ▾

**VN30F2412 ▾**    TC 1,310    Trần 1,401.7    Sàn 1,218.3    Số dư

Giá stop     Số lượng

Giá limit

Lưu thông tin lệnh    Sức mua: 465    Sức bán: 535

**MUA**    **BÁN**

Lãi/Lỗ: 12,000,000    Vị thế mua: 20

Lãi/Lỗ chưa đóng: 12,000,000    Vị thế bán: 0

Có thể xem thêm chi tiết số dư của tài khoản bằng cách nhấn vào biểu tượng số dư thông tin chi tiết về số dư tài khoản sẽ hiển thị, giúp dễ dàng theo dõi và quản lý tài khoản trong quá trình giao dịch.

LỆNH GIỚI HẠN LỆNH THỊ TRƯỜNG STOP UP ▾

**VN30F2412 ▾**    TC 1,310    Trần 1,401.7    Sàn 1,218.3    Số dư

Giá stop     Số lượng

Giá limit

Lưu thông tin lệnh    Sức mua: 465    Sức bán: 535

**MUA**    **BÁN**

Lãi/Lỗ: 12,000,000    Vị thế mua: 20

Lãi/Lỗ chưa đóng: 12,000,000    Vị thế bán: 0



Chi tiết tài khoản	
Giá trị tài sản ròng	2,096,293,523,150
Giá trị tài sản hợp lệ	2,096,281,523,150
Tiền tại CTCK	1,304,968,033
Tiền chờ ký quỹ	131,642,070
Tiền chờ rút	46,036,039,674
Chứng khoán ký quỹ	6,623,970
Chứng khoán ký quỹ hợp lệ	0
Số tiền được rút tối đa	1,300,626,353
Tổng nghĩa vụ ký quỹ duy trì	510,900,000
Nghĩa vụ ký quỹ khớp	393,000,000
Nghĩa vụ ký quỹ chờ khớp	117,900,000
Lỗ vị thế	0
Nghĩa vụ ký quỹ chuyển giao	0
Tỷ lệ sử dụng TKGD	0.02
Tỷ lệ an toàn	50%
Tỷ lệ cảnh báo lần 1	70%
Tỷ lệ cảnh báo lần 2	80%

Xem hướng dẫn đặt lệnh điều kiện: Nhấn vào biểu tượng để liên kết tới tài liệu hướng dẫn sử dụng lệnh điều kiện.

LỆNH GIỚI HẠN
LỆNH THỊ TRƯỜNG
LỆNH ĐIỀU KIỆN ▾

VN30F2412 ▾
TC 1,310
Trần 1,401.7
Sàn 1,218.3
Số dư

Giá

Số lượng

Lưu thông tin lệnh

Sức mua: 480

Sức bán: 520

MUA

BÁN

Lãi/Lỗ: 0

Vị thế mua: 20

Lãi/Lỗ chưa đóng: 0

Vị thế bán: 0

# TÀI KHOẢN PHÁI SINH

Webtrade TCiPro \_\_\_\_\_



Nhấn vào **TÀI KHOẢN PHÁI SINH** để xem các thông tin liên quan đến Tài khoản; thực hiện các chức năng Thanh toán, Tra cứu, Thông tin trên tài khoản Phái sinh.

The screenshot shows the 'QUẢN LÝ TÀI KHOẢN' (Account Management) section. A red box highlights the 'KHOẢN CƠ SỞ' (Basic Account) menu, with a red arrow pointing to the 'TÀI KHOẢN PHÁI SINH' (Derivatives Account) option. The main content area displays the 'TỔNG HỢP TÀI SẢN' (Asset Summary) for the derivatives account, including values for 'Giá trị tài sản ròng' (Net Asset Value) and 'Giá trị tài sản hợp lệ tại TCSC' (Valid Assets at TCSC).

# 1. Tài khoản

## 1.1. Tổng hợp tài sản

Vào Quản lý tài khoản ➔ chọn Tài khoản phái sinh ➔ chọn Tài khoản ➔ chọn Tổng hợp tài sản.

The screenshot displays the 'TỔNG HỢP TÀI SẢN' (Asset Summary) page. The interface is divided into several sections: 'TÀI KHOẢN' (Account), 'THANH TOÁN' (Settlement), 'TRA CỨU' (Inquiry), and 'THÔNG TIN' (Information). The main content area shows a detailed breakdown of assets and liabilities for both TCSC and VSDC, including 'Giá trị tài sản ròng' (Net Asset Value), 'Giá trị tài sản hợp lệ tại TCSC' (Valid Assets at TCSC), and 'Giá trị tài sản hợp lệ tại VSDC' (Valid Assets at VSDC). It also includes sections for 'Số tiền được rút tối đa tại TCSC' (Maximum Withdrawable Amount at TCSC), 'Số tiền được rút tối đa tại VSDC' (Maximum Withdrawable Amount at VSDC), and 'Tỷ lệ sử dụng TKGD' (TKGD Usage Ratio) and 'Tỷ lệ sử dụng TKKQ' (TKKQ Usage Ratio).

## 1.2. Số dư tiền

Vào Quản lý tài khoản ➔ chọn Tài khoản phái sinh ➔ chọn Tài khoản ➔ chọn Số dư tiền.

TKGD	Sức mua cơ bản	Tiền tại CTCK	Tiền tại VSDC	Tiền chờ ký quỹ	Tiền ký quỹ chờ rút	Tiền mua	Tiền bán	VM trong ngày	VM phải giao	Tổng số tiền chậm trả	Số tiền cần nộp bổ sung
0001002922	1,047,753,761,575	1,316,646,353	1,999,760,134,439	131,642,070	95,069,120,288	0	0	0	0	0	0

Gồm các trường:

- **TKGD:** Số tài khoản giao dịch của Khách hàng tại TCSC.
- **Sức mua cơ bản:** Khả năng mua tối đa dựa trên tài sản hiện có.
- **Tiền tại CTCK:** Số tiền bạn đang có tại công ty chứng khoán (CTCK).
- **Tiền tại VSDC:** Số tiền lưu trữ tại Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSDC).
- **Tiền chờ ký quỹ:** Số tiền đang chờ để ký quỹ cho các giao dịch tương lai.
- **Tiền ký quỹ chờ rút:** Số tiền ký quỹ đã yêu cầu rút nhưng chưa hoàn tất.
- **Tiền mua:** Số tiền các giao dịch mua.
- **Tiền bán:** Số tiền thu được từ các giao dịch bán.
- **VM trong ngày:** Giá trị margin (ký quỹ) trong ngày.
- **VM phải giao:** Số tiền ký quỹ phải giao.
- **Tổng số tiền chậm trả:** Tổng số tiền chưa thanh toán đúng hạn.
- **Số tiền cần nộp bổ sung về TLSDKQ an toàn:** Số tiền cần nộp bổ sung để đảm bảo an toàn tài khoản.
- **Tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ:** Tỷ lệ tài sản ký quỹ đang được sử dụng, hiển thị dưới dạng phần trăm.

## 2. Thanh toán

### 2.1. Nộp tiền

#### 2.1.1. Nộp tiền từ Từ TKCS vào TKPS

- **Bước 1:** Vào Quản lý tài khoản ➔ chọn Tài khoản phái sinh ➔ chọn Thanh toán ➔ chọn Nộp tiền ➔ chọn Nộp Từ TKCS vào TKPS.
- **Bước 2:** Nhập số tiền nộp thỏa mãn điều kiện (Số tiền nộp phải nhỏ hơn hoặc bằng Số tiền được rút từ TKCS).

### TỪ TKCS VÀO TKPS

 Thông tin
 Xác nhận
 Kết thúc

#### THÔNG TIN GIAO DỊCH

TK ký quỹ	085C002221
TK giao dịch	0001002922.Derivative
Số tiền được rút từ TKCS	470,160,141
Số tiền nộp	10,000,000

Chú ý: Thời gian nộp tiền từ TKCS vào TKPS từ 08:00:00 đến 23:00:00.

 Tiếp tục
 Làm mới

- **Bước 3:** Nhấn nút Tiếp tục để thực hiện chuyển tiền. Nhấn nút Làm mới để xóa hết thông tin đã nhập.
- **Bước 4:** Xác nhận thông tin nộp tiền. Nhập mã OTP/SmartOTP và nhấn Tiếp tục để hoàn tất nộp tiền từ TKCS sang TKPS.

### TỪ TKCS VÀO TKPS

 Thông tin
 Xác nhận
 Kết thúc

#### NGƯỜI THỤ HƯỞNG

TK ký quỹ	085C241137
TK giao dịch	0001006047.Derivative
Tên người thụ hưởng	TCTN 241137

#### CHI TIẾT

Số tiền nộp	1,000,000
Số tiền bằng chữ	Một triệu đồng chẵn

#### XÁC THỰC

Chọn xác thực	OTP
Nhập mã OTP	<input style="width: 80%; border: none;" type="text"/> <span style="background-color: #ffc107; padding: 2px 10px; margin-left: 5px;">76</span>

 Tiếp tục
 Quay lại

### TỪ TKCS VÀO TKPS

Thông tin      Xác nhận      Kết thúc



Giao dịch thành công

NGƯỜI THỤ HƯỞNG	
TK ký quỹ	085C002221
TK giao dịch	0001002922.Derivative
Tên người thụ hưởng	KHÁCH HÀNG 085C002221

CHI TIẾT	
Số tiền nộp	10,000,000
Số tiền bằng chữ	Mười triệu đồng chẵn




[Giao dịch khác](#)      [Tra cứu chi tiết](#)

- Nhấn vào [Giao dịch khác](#) để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch nộp tiền khác.
- Nhấn vào [Tra cứu chi tiết](#) sẽ chuyển đến Lịch sử nộp tiền từ TKCS sang TKPS để tra cứu giao dịch chuyển tiền đã thực hiện.

### 2.1.2. Nộp tiền từ TKPS vào TTKQ (VSDC)

- **Bước 1:** Vào Quản lý tài khoản ➔ chọn Tài khoản phái sinh ➔ chọn Thanh toán ➔ chọn Nộp tiền ➔ chọn Nộp tiền Từ TKPS vào TTKQ (VSDC).
- **Bước 2:** Nhập số tiền nộp thoả mãn điều kiện (Số tiền nộp phải nhỏ hơn hoặc bằng Số tiền có thể dùng).
- **Bước 3:** Nhấn nút [Tiếp tục](#) để thực hiện chuyển tiền. Nhấn nút [Làm mới](#) để xoá hết thông tin đã nhập.
- **Bước 4:** Xác nhận thông tin nộp tiền. Nhập mã OTP/SmartOTP và nhấn [Tiếp tục](#) để hoàn tất nộp tiền từ TKPS vào TTKQ (VSDC).

### TỪ TKPS VÀO TKKQ (VSDC)

 Thông tin
 Xác nhận
 Kết thúc

#### THÔNG TIN GIAO DỊCH

TK ký quỹ	085C241137
TK giao dịch	0001006047.Derivatives
Tên người nộp	TCTN 241137
Số CMND/Hộ chiếu	TCTN 241137
Cấp ngày	01/01/2019
Nơi cấp	VSD
Số tiền có thể dùng	2,199,228,650
Số tiền nộp	10,000,000

*Chú ý: Thời gian nộp tiền ký quỹ từ 08:00:00 đến 15:55:00.*

Tiếp tục
Làm mới

### TỪ TKPS VÀO TKKQ (VSDC)

 Thông tin
 Xác nhận
 Kết thúc

#### XÁC NHẬN GIAO DỊCH

TK giao dịch	0001006047.Derivatives
Số tiền nộp	10,000,000
Phí chuyển tiền	5,000
Phí VAT	500
Số tiền thực cắt	10,000,000
Số tiền thực nhận	9,994,500

#### XÁC THỰC

Chọn xác thực OTP

Nhập mã OTP  85

Tiếp tục
Quay lại



- Nhấn vào **Giao dịch khác** để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch nộp tiền khác.
- Nhấn vào **Tra cứu chi tiết** sẽ chuyển đến Lịch sử nộp tiền từ TKPS vào TTKQ (VSDC) để tra cứu giao dịch chuyển tiền đã thực hiện.

## 2.2. Rút tiền

### 2.2.1. Rút tiền từ TTKQ (VSDC) về TKPS

- **Bước 1:** Vào Quản lý tài khoản ➔ chọn Tài khoản phái sinh ➔ chọn Thanh toán ➔ chọn Rút tiền ➔ chọn Từ TTKQ (VSDC) về TKPS.
- **Bước 2:** Nhập số tiền rút thoả mãn điều kiện rút (Số tiền rút phải nhỏ hơn hoặc bằng Số tiền tối đa được rút).

THÔNG TIN GIAO DỊCH	
TK ký quỹ	085C241137
TK giao dịch	0001006047.Derivatives
Tên người nộp	TCTN 241137
Số CMND/Hộ chiếu	TCTN 241137
Cấp ngày	01/01/2019
Nơi cấp	VSD
Số tiền tối đa được rút	18,100,110,429
Số tiền rút	10,000,000




**Chú ý:**

- 1) Thời gian rút tiền ký quỹ từ 08-00:00 đến 15-55:00.
- 2) Quý khách thực hiện rút tiền ký quỹ sau 5 phút kể từ khi đóng vị thế (nếu có).

Buttons: **Tiếp tục** | **Làm mới**



### TỪ TKKQ (VSDC) VỀ TKPS

 Thông tin
 Xác nhận
 Kết thúc

#### XÁC NHẬN GIAO DỊCH

Số tiền rút	10,000,000
Phí chuyển tiền	5,000
Phí VAT	500
Số tiền thực cắt	10,000,000
Số tiền thực nhận	9,994,500

#### XÁC THỰC

Chọn xác thực

OTP




Nhập mã OTP


85

Tiếp tục

Quay lại

### TỪ TKKQ (VSDC) VỀ TKPS

 Thông tin
 Xác nhận
 Kết thúc



Giao dịch thành công

- Nhấn vào Giao dịch khác trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch nộp tiền khác.
- Nhấn vào Tra cứu chi tiết sẽ chuyển đến Lịch sử rút tiền từ TKKQ (VSDC) sang TKPS để tra cứu giao dịch chuyển tiền đã thực hiện.

### 2.2.2. Rút tiền từ TKPS về TKCS

- **Bước 1:** Vào Quản lý tài khoản ➔ chọn Tài khoản phái sinh ➔ chọn Thanh toán ➔ chọn Rút tiền ➔ chọn Từ TKPS về TKCS.
- **Bước 2:** Nhập số tiền rút thoả mãn điều kiện (Số tiền rút phải nhỏ hơn hoặc bằng Số tiền tối đa được rút).

### TỪ TKPS VỀ TKCS

  
 Thông tin

  
 Xác nhận

  
 Kết thúc

#### THÔNG TIN GIAO DỊCH

TK ký quỹ	085C002221
TK giao dịch	0001002922.Derivative
Số tiền tối đa được rút	1,322,626,353
Số tiền rút	

*Chú ý: Thời gian rút tiền TKPS về TKCS từ 08:00:00 đến 23:00:00.*

Tiếp tục

Làm mới

- **Bước 3:** Nhấn nút Tiếp tục để thực hiện chuyển tiền. Nhấn nút Làm mới để xoá hết thông tin đã nhập.
- **Bước 4:** Xác nhận thông tin rút tiền. Nhập mã OTP/SmartOTP và nhấn Tiếp tục để hoàn tất rút tiền từ TKPS về TKCS.

### TỪ TKPS VỀ TKCS

  
 Thông tin

  
 Xác nhận

  
 Kết thúc

#### XÁC NHẬN GIAO DỊCH

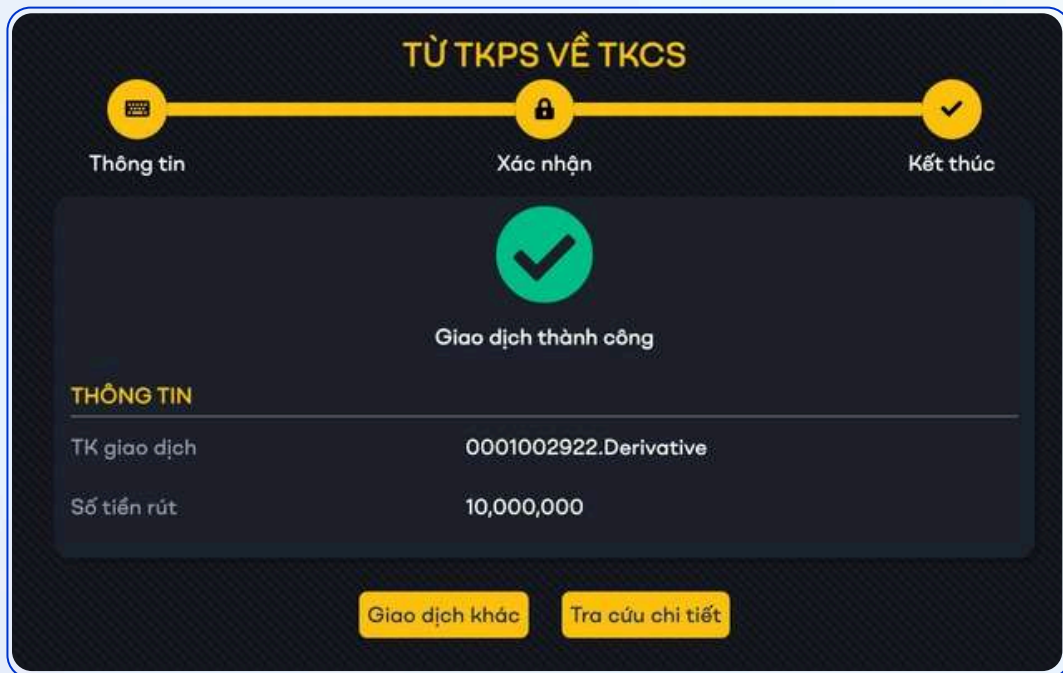
TK giao dịch	0001006016.Derivatives
Số tiền rút	10,000,000

#### XÁC THỰC

Chọn xác thực	SMARTOTP
SMARTOTP	

Tiếp tục

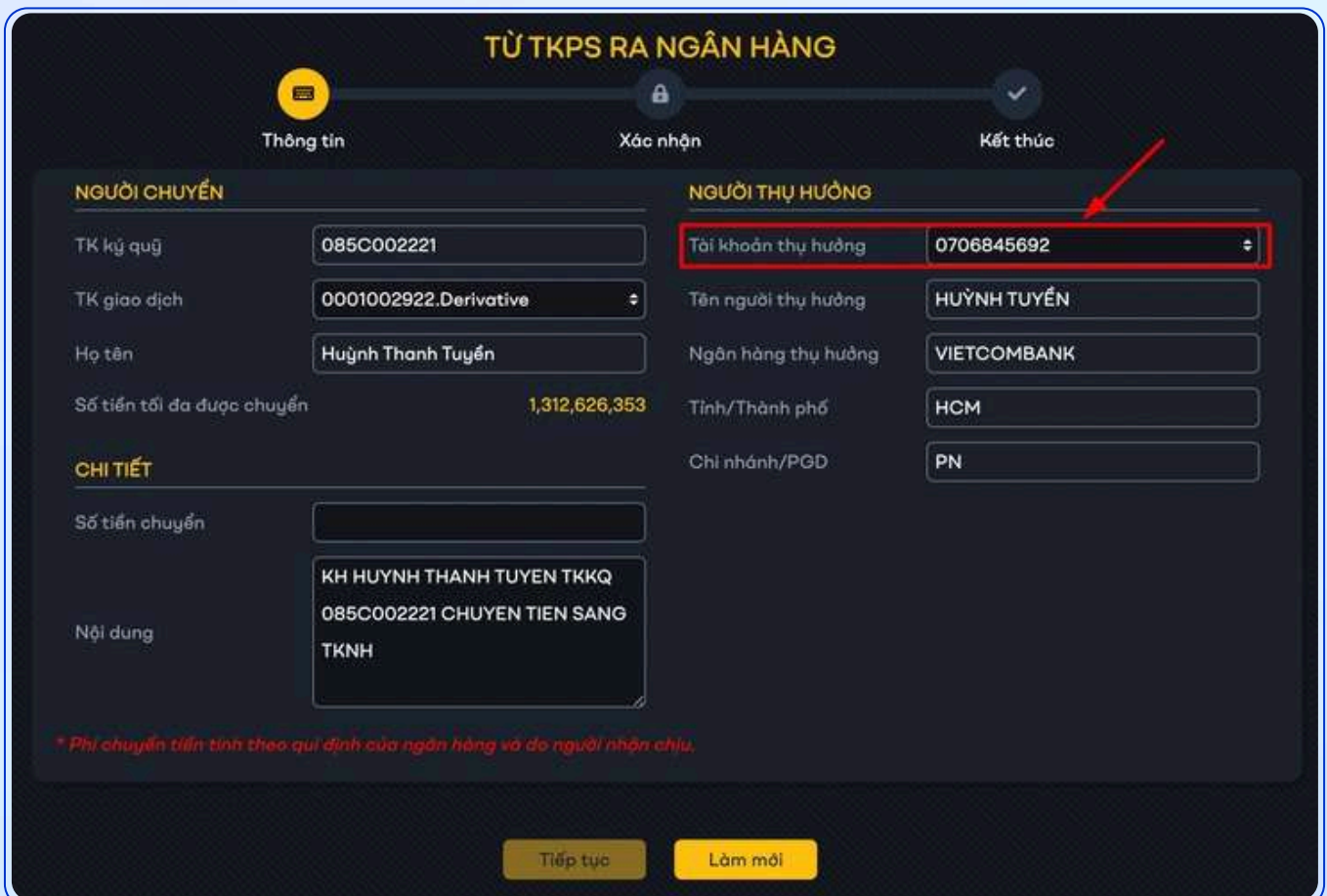
Quay lại



- Nhấn vào **Giao dịch khác** để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch rút tiền khác.
- Nhấn vào **Tra cứu chi tiết** sẽ chuyển đến Lịch sử rút tiền từ TKPS về TKCS để tra cứu giao dịch chuyển tiền đã thực hiện.

### 2.2.3. Rút tiền từ TKPS ra Ngân hàng

- **Bước 1:** Vào Quản lý tài khoản ➔ chọn Tài khoản phái sinh ➔ chọn Thanh toán ➔ chọn Rút tiền ➔ chọn Từ TKPS về TKCS.
- **Bước 2:** Chọn tài khoản thụ hưởng, sau đó các thông tin của người thụ hưởng, ngân hàng thụ hưởng, tỉnh/ thành phố và PGD/ Chi nhánh sẽ được tự động hiển thị theo số tài khoản thụ hưởng.



- **Bước 3:** Nhập số tiền rút thoả mãn điều kiện (Số tiền chuyển phải nhỏ hơn hoặc bằng Số tiền tối đa được chuyển).
- **Bước 4:** Nhấn nút **Tiếp tục** để thực hiện chuyển tiền. Nhấn nút **Làm mới** để xoá hết thông tin đã nhập.
- **Bước 5:** Xác nhận thông tin rút tiền. Nhập mã OTP/SmartOTP và nhấn **Tiếp tục** để hoàn tất rút tiền từ TKPS ra Ngân hàng.

### TỪ TKPS RA NGÂN HÀNG

Thông tin      Xác nhận      Kết thúc

#### NGÂN HÀNG THỤ HƯỞNG

Ngân hàng thụ hưởng	VIETCOMBANK
Tỉnh/Thành phố	HCM
Chi nhánh/PGD	PN

#### NGƯỜI THỤ HƯỞNG

Số TK ngân hàng	0706845692
Tên người thụ hưởng	HUỲNH TUYẾN
Số CMND/Hộ chiếu	331905685
Cấp ngày	17/3/2011
Nơi cấp	82 Trần Huy Liệu

#### CHI TIẾT

Số tiền chuyển	10,000,000
Phí chuyển tiền	11,000
Thuế	1,100
Số tiền thực nhận	10,000,000
Thời gian thực hiện	15:56:38
Nội dung	KH HUYNH THANH TUYEN TKKQ 085C002221 CHUYEN TIEN SANG TKNH


#### XÁC THỰC


Chọn xác thực: SMARTOTP


SMARTOTP


Tiếp tục      Quay lại

## TỪ TKPS RA NGÂN HÀNG

  
 Thông tin

  
 Xác nhận

  
 Kết thúc



**Giao dịch thành công**

### NGÂN HÀNG THỤ HƯỞNG

Ngân hàng thụ hưởng	VIETCOMBANK
Tỉnh/Thành phố	HCM
Chi nhánh/PGD	PN

### NGƯỜI THỤ HƯỞNG

Số TK ngân hàng	0706845692
Tên người thụ hưởng	HUỶNH TUYẾN
Số CMND/Hộ chiếu	331905685
Cấp ngày	17/3/2011
Nơi cấp	82 Trần Huy Liệu

### CHI TIẾT

Số tiền chuyển	10,000,000
Phí chuyển tiền	11,000
Thuế	1,100
Số tiền thực nhận	10,000,000
Thời gian thực hiện	15:57:47
Nội dung	KH HUYNH THANH TUYEN TTKQ 085C002221 CHUYEN TIEN SANG TKNH

Giao dịch khác

Tra cứu chi tiết

- Nhấn vào **Giao dịch khác** để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch nộp tiền khác.
- Nhấn vào **Tra cứu chi tiết** sẽ chuyển đến Lịch sử rút tiền từ TKPS về Ngân hàng để tra cứu giao dịch chuyển tiền đã thực hiện.

## 2.3. Chứng khoán

### 2.3.1. Nộp chứng khoán ký quỹ

- **Bước 1:** Vào Quản lý tài khoản ➔ chọn Tài khoản phái sinh ➔ chọn Thanh toán ➔ chọn Chứng khoán ➔ chọn Nộp chứng khoán ký quỹ.
- **Bước 2:** Chọn Mã chứng khoán cần nộp.
- **Bước 3:** Nhập khối lượng nộp thoả mãn điều kiện nộp (Khối lượng tối đa nộp ký quỹ).

### NỘP CHỨNG KHOÁN KÝ QUỸ

Thông tin      Xác nhận      Kết thúc

**THÔNG TIN GIAO DỊCH**

TK ký quỹ	<input type="text" value="085C241138"/>
TK giao dịch	<input type="text" value="0001006061.Derivatives"/>
Mã CK	<input type="text" value="TD1626456"/>
Khối lượng tối đa nộp ký quỹ	40,100
Khối lượng nộp	<input type="text" value="100"/>

*Chú ý: Thời gian nộp chứng khoán ký quỹ từ 08:00:00 đến 15:55:00.*

- **Bước 4:** Nhấn nút  để thực hiện nộp chứng khoán. Nhấn nút  để xoá hết thông tin đã nhập.
- **Bước 5:** Xác nhận thông tin nộp chứng khoán. Nhập mã OTP/SmartOTP và nhấn  để hoàn tất nộp chứng khoán.

### NỘP CHỨNG KHOÁN KÝ QUỸ

Thông tin
Xác nhận
Kết thúc

**THÔNG TIN**

TK giao dịch	0001006061.Derivatives
Mã CK	TD1626456
Khối lượng nộp	100

**XÁC THỰC**

Chọn xác thực: OTP

Nhập mã OTP:  87

Tiếp tục
Quay lại

### NỘP CHỨNG KHOÁN KÝ QUỸ

Thông tin
Xác nhận
Kết thúc

**Giao dịch thành công**

**THÔNG TIN**

TK giao dịch	0001006061.Derivatives
Mã CK	TD1626456
Khối lượng nộp	100

Giao dịch khác
Tra cứu chi tiết

- Nhấn vào Giao dịch khác để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch nộp chứng khoán khác.
- Nhấn vào Tra cứu chi tiết sẽ chuyển đến Lịch sử giao dịch thanh toán để tra cứu giao dịch đã thực hiện.

### 2.3.2. Rút chứng khoán ký quỹ

- **Bước 1:** Vào Quản lý tài khoản ➔ chọn Tài khoản phái sinh ➔ chọn Thanh toán ➔ chọn Chứng khoán ➔ chọn Rút chứng khoán ký quỹ.
- **Bước 2:** Chọn Mã chứng khoán cần rút.
- **Bước 3:** Nhập khối lượng rút thoả mãn điều kiện rút (Khối lượng tối đa rút ký quỹ).

## RÚT CHỨNG KHOẢN KÝ QUỸ

Thông tin
 Xác nhận
 Kết thúc

**THÔNG TIN GIAO DỊCH**

TK ký quỹ	085C241138
TK giao dịch	0001006061.Derivatives
Mã CK	TD1626456
Khối lượng tối đa rút ký quỹ	4,000
Khối lượng rút	100

Chú ý: Thời gian rút chứng khoán ký quỹ từ 08:00:00 đến 15:55:00.

Tiếp tục
Làm mới

- **Bước 4:** Nhấn nút “Tiếp tục” để thực hiện rút chứng khoán. Nhấn nút “Làm mới” để xoá hết thông tin đã nhập.
- **Bước 5:** Xác nhận thông tin rút chứng khoán. Nhập mã OTP/SmartOTP và nhấn “Tiếp tục” để hoàn tất rút chứng khoán.

## RÚT CHỨNG KHOẢN KÝ QUỸ

Thông tin
 Xác nhận
 Kết thúc

**THÔNG TIN**

TK giao dịch	0001006061.Derivatives
Mã CK	TD1626456
Khối lượng rút	100

**XÁC THỰC**

Chọn xác thực	OTP
Nhập mã OTP	<input style="width: 90%; border: none;" type="text"/> <span style="background-color: #ffc107; padding: 2px 10px; border-radius: 5px;">88</span>

Tiếp tục
Quay lại





- Nhấn vào “Giao dịch khác” để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch rút chứng khoán khác.
- Nhấn vào “Tra cứu chi tiết” sẽ chuyển đến Lịch sử giao dịch thanh toán để tra cứu giao dịch đã thực hiện.

## 2.4. Chức năng khác


### 2.4.1. Tất toán khoản chậm trả

- **Bước 1:** Vào Quản lý tài khoản ➔ chọn Tài khoản phái sinh ➔ chọn Chức năng khác ➔ chọn Tất toán khoản chậm trả.
- **Bước 2:** Nhập số tiền thanh toán.




- **Bước 3:** Nhấn nút “Tiếp tục” để thực hiện chuyển tiền. Nhấn nút “Làm mới” để xoá hết thông tin đã nhập.
- **Bước 4:** Xác nhận thông tin thanh toán. Nhập mã OTP/SmartOTP và nhấn “Tiếp tục” để hoàn tất thanh toán.


### TẤT TOÁN KHOẢN CHẬM TRẢ



Thông tin



Xác nhận



Kết thúc

**THÔNG TIN**

TK giao dịch	0001006061.Derivatives
Số dư tiền	9,695,220,000
Khoản chậm trả	4,082,569,300
Phí chậm trả	1,531,448
Số tiền thanh toán	10,000,000


**XÁC THỰC**

Chọn xác thực OTP


Nhập mã OTP  87

Xác nhận
Quay lại


### TẤT TOÁN KHOẢN CHẬM TRẢ




Thông tin



Xác nhận



Kết thúc



**Giao dịch thành công**

**THÔNG TIN**

TK giao dịch	0001006061.Derivatives
Số dư tiền	9,695,220,000
Khoản chậm trả	4,082,569,300
Phí chậm trả	1,531,448
Số tiền thanh toán	10,000,000

Giao dịch khác
Tra cứu chi tiết

- Nhấn vào “Giao dịch khác” để trở về màn hình thông tin để thực hiện giao dịch thanh toán.
- Nhấn vào “Tra cứu chi tiết” sẽ chuyển đến Sao kê giải ngân và thu khoản chậm trả để tra cứu giao dịch đã thực hiện.

### 2.4.2. Đăng ký/Hủy nộp rút tiền ký quỹ tự động

Vào Quản lý tài khoản ➡ chọn Tài khoản phái sinh ➡ chọn Chức năng khác ➡ chọn Đăng ký/Hủy nộp rút tiền ký quỹ tự động.

ĐĂNG KÝ/HỦY NỘP RÚT TIỀN KÝ QUỸ TỰ ĐỘNG

ĐĂNG KÝ/HỦY NỘP RÚT TIỀN KÝ QUỸ TỰ ĐỘNG

Tự động nộp tiền từ TKPS vào TKKQ (VSDC)	<span style="background-color: #FFD700; padding: 2px 10px; border: 1px solid #000;">Đăng ký</span>	<span style="background-color: #FFD700; padding: 2px 10px; border: 1px solid #000;">Hủy</span>
Tự động rút tiền từ TKKQ (VSDC) về TKPS	<span style="background-color: #FFD700; padding: 2px 10px; border: 1px solid #000;">Đăng ký</span>	<span style="background-color: #FFD700; padding: 2px 10px; border: 1px solid #000;">Hủy</span>

**LƯU Ý:**

Khi khách hàng Đăng ký/Hủy nộp rút tiền ký quỹ tự động:

1. Tự động nộp tiền từ TKPS vào TKKQ (VSDC)
  - Số dư tiền trên TKPS (bao gồm: tiền nộp, tiền lãi VM...KHÔNG bao gồm tiền rút ký quỹ trong ngày) sẽ được tự động chuyển lên TKKQ (VSDC) khi số dư tiền lớn hơn Phí quản lý TSKQ tối thiểu (hiện tại 100,000) và/hoặc tổng giá trị phí thuế chưa thanh toán tại TCSC.
  - Thời gian chuyển tiền ký quỹ tự động: Từ 08:00:00 đến 14:30:00 các ngày giao dịch.
2. Tự động rút tiền từ TKKQ (VSDC) về TKPS
  - Tiền trên TKKQ (VSDC) sau khi trừ đi các khoản nghĩa vụ VSDC giữ lại sẽ được tự động chuyển về TKPS tại TCSC
  - Thời gian rút tiền ký quỹ tự động: Từ 15:00:00 đến 16:00:00 các ngày giao dịch
3. Phí nộp/rút ký quỹ do VTB quy định và khách hàng chịu khoản phí này: 5,500 đ/lần nộp/ rút.

Để tự động nộp tiền từ TKPS vào TKKQ (VSDC), nhấn nút Đăng ký bên cạnh mục này. Nếu muốn hủy tự động nộp tiền, nhấn nút Hủy

Để tự động rút tiền từ TKKQ (VSDC) về TKPS, nhấn nút Đăng ký bên cạnh mục này. Nếu muốn hủy tự động rút tiền, nhấn nút Hủy

## 3. Tra cứu

### 3.1. Lịch sử lệnh

#### 3.1.1. Lịch sử khớp lệnh

Báo cáo “Lịch sử khớp lệnh”, dùng để xem lịch sử của các lệnh mua/bán đã khớp lệnh thành công.

**Bước 1:** Vào Quản lý tài khoản ➔ chọn Tài khoản phái sinh ➔ chọn Tra cứu ➔ chọn Lịch sử lệnh ➔ chọn Lịch sử khớp lệnh.

Ngày	Mã CK	Thường/Thỏa thuận	Loại giao dịch	Khối lượng khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	Phí giao dịch	Thuế
13/11/2024	VN30F2501	Thường	Bán	50	1,605	8,025,000,000	160,000	0
13/11/2024	VN30F2501	Thường	Bán	100	1,605	16,050,000,000	320,000	0
13/11/2024	VN30F2501	Thường	Bán	15	1,605	2,407,500,000	48,000	0
13/11/2024	VN30F2501	Thường	Bán	50	1,605	8,025,000,000	160,000	0
13/11/2024	V100F2506	Thường	Mua	1	1,498	149,800,000	3,200	0
13/11/2024	V100F2506	Thường	Mua	2	1,496	299,200,000	6,400	0
13/11/2024	VN30F2501	Thỏa thuận	Bán	50	1,605	8,025,000,000	160,000	0
13/11/2024	VN30F2501	Thỏa thuận	Bán	350	1,605.10	56,178,500,000	1,120,000	0
13/11/2024	VN30F2502	Thỏa thuận	Bán	300	1,567.5	47,025,000,000	960,000	0
13/11/2024	VN30F2502	Thỏa thuận	Mua	100	1,362.5	13,625,000,000	320,000	0
<b>Tổng:</b>				<b>1,629</b>		<b>249,423,220,000</b>	<b>5,212,800</b>	<b>0</b>

**Bước 2:** Nhập các thông tin sau:

- **TKGD:** Mặc định tiểu khoản phái sinh.
- **Mã CK:** Nhập 01 mã chứng khoán hoặc không nhập gì (mặc định tất cả) để tra cứu các lệnh đã khớp liên quan đến mã chứng khoán đã nhập.
- **Từ ngày:** Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- **Đến ngày:** Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.
- **Loại giao dịch:** Chọn loại giao dịch của lệnh khớp: mua, bán, tất cả.

**Bước 3:** Nhấn nút **Q Tìm kiếm** để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

**Bước 4:** Nhấn nút **↓** để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra tập tin Excel hoặc PDF.

**Lưu ý:**

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút **Số bản ghi trong trang 25** để tùy chỉnh theo ý muốn.

- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà Khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem **Trang 1 trong 6 (6 Trang)**

### 3.1.2. Lịch sử đặt lệnh

- Báo cáo Lịch sử đặt lệnh, dùng để xem lịch sử của các lệnh mua/bán đã đặt.
- **Bước 1:** Vào Quản lý tài khoản ➔ chọn Tài khoản phái sinh ➔ chọn Tra cứu ➔ chọn Lịch sử lệnh ➔ chọn Lịch sử đặt lệnh.

Ngày	Mã CK	Thường/Thỏa thuận	Loại giao dịch	Khối lượng khớp	Giá khớp TB	Giá trị khớp	Phí giao dịch	Thuế
13/11/2024	VN30F2501	Thường	Bán	50	1,605	8,025,000,000	160,000	0
13/11/2024	VN30F2501	Thường	Bán	100	1,605	16,050,000,000	320,000	0
13/11/2024	VN30F2501	Thường	Bán	15	1,605	2,407,500,000	48,000	0
13/11/2024	VN30F2501	Thường	Bán	50	1,605	8,025,000,000	160,000	0
13/11/2024	V100F2506	Thường	Mua	1	1,498	149,800,000	3,200	0
13/11/2024	V100F2506	Thường	Mua	2	1,495	299,200,000	6,400	0
13/11/2024	VN30F2501	Thỏa thuận	Bán	50	1,605	8,025,000,000	160,000	0
13/11/2024	VN30F2501	Thỏa thuận	Bán	350	1,605.10	56,178,500,000	1,120,000	0
13/11/2024	VN30F2502	Thỏa thuận	Bán	300	1,567.5	47,025,000,000	960,000	0
13/11/2024	VN30F2502	Thỏa thuận	Mua	100	1,362.5	13,625,000,000	320,000	0
<b>Tổng:</b>				<b>1,629</b>		<b>249,423,220,000</b>	<b>5,212,800</b>	<b>0</b>

**Bước 2:** Nhập các thông tin sau:

- **TKGD:** Mặc định tiểu khoản phái sinh.
- **Mã CK:** Nhập 1 mã chứng khoán hoặc không nhập gì (mặc định tất cả) để tra cứu các lệnh đã khớp liên quan đến mã chứng khoán đã nhập.
- **Từ ngày:** Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem lệnh đã đặt.
- **Đến ngày:** Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem lệnh đã đặt.
- **Loại giao dịch:** Chọn loại giao dịch của lệnh khớp: Chờ gửi, Đã gửi, Khớp hết, Khớp một phần,...

**Bước 3:** Nhấn nút **Tìm kiếm** để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

**Bước 4:** Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra tập tin Excel hoặc PDF.

#### Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút để tùy chỉnh theo ý muốn.
- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà Khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem

## 3.2. Sao kê tài khoản

### 3.2.1. Lãi/lỗ hàng ngày

Báo cáo “Lãi lỗ hàng ngày” dùng để xem lịch sử lãi/lỗ phát sinh hằng ngày từ việc thực hiện mua/bán chứng khoán phái sinh.

- Bước 1:** Đăng nhập hệ thống và chọn Quản lý tài khoản ➔ chọn Tài khoản phái sinh ➔ chọn Tra cứu ➔ chọn Sao kê tài khoản chọn Lãi/lỗ hàng ngày.

LÃI/LỖ HÀNG NGÀY												
		Từ ngày	Đến ngày	Mã CK								
		29/09/2024	29/10/2024		<input type="text" value="Tìm kiếm"/>							
Ngày	Mã CK	Lãi lỗ đã thực hiện						Lãi lỗ chưa thực hiện				
		KL đóng	Tổng giá trị vốn	Tổng giá trị đóng	Giá trị lãi/lỗ	% Lãi/lỗ	KL mua	Giá mua	KL bán	Giá bán	Giá thanh toán cuối ngày	Giá trị K
28/10/2024	VN30F2412	0	0	0	0	0.00	20	1,304	0	0	1,310	12,0
25/10/2024	GB10F2503	1	1,150,000,000	1,183,450,000	33,450,000	2.91	0	0	0	0	118,345	
25/10/2024	VN30F2412	1	133,250,000	130,700,000	2,550,000	1.91	0	0	0	1,333	1,310	
24/10/2024	VN30F2412	4	539,180,000	523,430,000	-16,110,000	-2.99	0	0	0	1,340	1,310	
07/10/2024	GB10F2412	1	1,180,000,000	1,190,410,000	10,410,000	0.88	0	0	0	0	119,041	
07/10/2024	VN30F2412	43	5,726,439,999	5,780,350,000	111,990,001	1.96	1	1,366	0	0	1,310	-5,6
02/10/2024	VN30F2412	348	45,597,999,999	45,483,600,000	-114,399,999	-0.25	0	0	0	0	1,310	
01/10/2024	GB10F2502	10	9,300,000,000	10,000,000,000	700,000,000	7.53	0	0	10	100,000	100,000	
01/10/2024	VN30F2412	0	0	0	0	0.00	338	1,311	0	0	1,310	-29,5
		<b>Tổng:</b>		63,626,869,998	64,291,940,000	727,890,002	1.14					-23,62

### Bước 2: Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.
- Mã CK: Nhập 01 mã chứng khoán hoặc không nhập gì (mặc định tất cả) để tra cứu các lệnh đã khớp liên quan đến mã chứng khoán đã nhập.

**Bước 3:** Nhấn nút để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

**Bước 4:** Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra tập tin Excel hoặc PDF.

### Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút để tùy chỉnh theo ý muốn.

- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà Khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem

### 3.2.2. Sao kê giải ngân và thu khoản chậm trả

Sao kê giải ngân và thu khoản chậm trả dùng để theo dõi chi tiết việc giải ngân và trả nợ các khoản chậm trả.

**Bước 1:** Vào Quản lý tài khoản ➔ chọn Tài khoản phái sinh ➔ chọn Tra cứu ➔ chọn Sao kê tài khoản ➔ chọn Sao kê giải ngân và thu khoản chậm trả.

Ngày	TK giao dịch	Diễn giải	Mã CK	Phát sinh Long		Phát sinh Short	
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
12/11/2024	0001006061	Khớp lệnh/ Match order	VN30F2501	0	0	1	0
12/11/2024	0001006061	Khớp lệnh/ Match order	VN30F2501	1	0	0	0
12/11/2024	0001006061	Khớp lệnh/ Match order	VN30F2501	1	0	0	0
12/11/2024	0001006061	Khớp lệnh/ Match order	VN30F2501	0	0	1	0
12/11/2024	0001006061	Khớp lệnh/ Match order	VN30F2501	100	0	0	0
12/11/2024	0001006061	Khớp lệnh/ Match order	VN30F2501	0	0	100	0
12/11/2024	0001006061	Nhận chuyển khoản vị thể/ Receive transfer position	VN30F2501	1	0	7	0
13/11/2024	0001006061	Khớp lệnh/ Match order	VN30F2501	1	0	0	0
13/11/2024	0001006061	Khớp lệnh/ Match order	VN30F2501	1	0	0	0
13/11/2024	0001006061	Khớp lệnh/ Match order	VN30F2501	200	0	0	0
Tổng:				528	0	1,144	0

**Bước 2:** Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

**Bước 3:** Nhấn nút **Tìm kiếm** để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

**Bước 4:** Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra tập tin Excel hoặc PDF.

**Lưu ý:**

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút **Số bản ghi trong trang**  để tùy chỉnh theo ý muốn.

- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà Khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem **Trang 1 trong 6 (6 Trang)** << < > >>

**3.2.3. Sao kê vị thể**

Sao kê vị thể dùng để theo dõi chi tiết phái sinh vị thể Long/Short.

**Bước 1:** Vào Quản lý tài khoản ➔ chọn Tài khoản phái sinh ➔ chọn Tra cứu ➔ chọn Sao kê tài khoản ➔ chọn Sao kê vị thể.

Ngày	TK giao dịch	Số lượng	Mức phí/ngày	Số phí	Số phí cộng dồn
12/11/2024	0001006061	43	2,550	109,650	109,650
13/11/2024	0001006061	622	2,550	1,586,100	1,695,750
Cộng phát sinh:		665		1,695,750	1,695,750

**Bước 2:** Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.
- Mã CK: Nhập 1 mã chứng khoán hoặc không nhập gì (mặc định tất cả) để tra cứu các lệnh đã khớp liên quan đến mã chứng khoán đã nhập.
- Mã CK cơ sở: Nhập 1 mã chứng khoán hoặc không nhập gì (mặc định tất cả) để tra cứu các lệnh đã khớp liên quan đến mã chứng khoán đã nhập.

**Bước 3:** Nhấn nút **Tìm kiếm** để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

**Bước 4:** Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra tập tin Excel hoặc PDF.

### 3.2.4. Bảng kê tài khoản

**Bước 1:** Vào Quản lý tài khoản ➡ chọn Tài khoản phái sinh ➡ chọn Tra cứu ➡ chọn Sao kê tài khoản ➡ chọn Bảng kê tài khoản.

Ngày	TK giao dịch	Số lượng	Mức phí/ngày	Số phí	Số phí cộng dồn
12/11/2024	0001006061	43	2,550	109,650	109,650
13/11/2024	0001006061	622	2,550	1,586,100	1,695,750
Cộng phát sinh:				665	1,695,750
					1,695,750

**Bước 2:** Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

**Bước 3:** Nhấn nút **Tìm kiếm** để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

**Bước 4:** Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra tập tin Excel hoặc PDF.



### 3.2.5. Sao kê tài khoản

Bao gồm các sao kê về:

- Vị thế
- Tiền
- Chứng khoán ký quỹ

**THANH TOÁN**

Vị thế Tiền Chứng khoán ký quỹ

TKGD: 0001006061.Derivatives Báo cáo ngày: 13/11/2024

STT	Mã hợp đồng	Vị thế	Số lượng	Giá vốn	Thị giá	Lợi/Lỗ
1	V100F2411	Long	1	1,395	1,401	600,000
2	V100F2506	Long	2	1,497	1,562.45	13,090,000
3	VN30F2501	Short	419	1,605.04	1,605	1,539,825
4	VN30F2502	Short	200	1,567.5	1,395.10	3,448,000,000
<b>Tổng:</b>			<b>622</b>			<b>3,463,229,825</b>

Trang 1 trong 1 (1 Trang) Số bản ghi trong trang 25

### 3.2.6. Báo cáo xử lý vi phạm

**Bước 1:** Vào Quản lý tài khoản ➔ chọn Tài khoản phái sinh ➔ chọn Tra cứu ➔ chọn Sao kê tài khoản ➔ chọn Báo cáo xử lý vi phạm.

**TÀI KHOẢN**

BÁO CÁO XỬ LÝ VI PHẠM

TKGD: 0001002922.Derivative Từ ngày: 01/11/2022 Đến ngày: 30/10/2024

Ngày	Số tài khoản ký quỹ	Số tài khoản giao dịch	Thông tin tài khoản vi phạm								
			Tỷ lệ TK	TL xử lý	TL an toàn	Số tiền xử lý	Tổng tiền chậm trễ còn thiếu	Loại tài sản cơ sở (TSCS)	SL vị thế nắm giữ theo TSCS	Mã CKPS	Giá xử lý
17/11/2022	085C002221	0001002922	166.96	85	60	933,246,700.6	0	HDTL chỉ số	71	VN30F2312	1,35
17/11/2022	085C002221	0001002922	166.96	85	60	933,246,700.6	0		0		
21/11/2022	085C002221	0001002922	166.96	85	60	0	0		0		
05/12/2022	085C002221	0001002922	195.85	85	58	300,550,333.14	0		0		
09/12/2022	085C002221	0001002922	167.79	85	60	3,222,956,136.4	0		0		

Trang 1 trong 1 (1 Trang) Số bản ghi trong trang 25

**Bước 2:** Nhập các thông tin sau:

- TKGD: Mặc định số tài khoản giao dịch phái sinh.
- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

**Bước 3:** Nhấn nút **Tìm kiếm** để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

**Bước 4:** Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra tập tin Excel hoặc PDF.

**Lưu ý:**

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút **Số bản ghi trong trang** **25** để tùy chỉnh theo ý muốn.

- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà Khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem

### 3.3. Lịch sử giao dịch thanh toán

#### 3.3.1. Lịch sử GD tiền TKKQ (VSDC)

Báo cáo Lịch sử giao dịch tiền TKKQ (VSDC), dùng để xem lịch sử các giao dịch và số dư tiền mà VSDC quản lý.

**Bước 1:** Vào Quản lý tài khoản ➔ chọn Tài khoản phái sinh ➔ chọn Tra cứu ➔ chọn Lịch sử giao dịch thanh toán ➔ chọn Lịch sử GD tiền TKKQ (VSDC).

Ngày	TK giao dịch	Mô tả	Chi tiết giao dịch tiền		Số dư
			Tăng	Giảm	
		Số dư đầu kỳ			0
11/11/2024	0001006061	Tăng tiền kỳ quỹ/ VSDC's confirmation of completion required to deposit by cash	8,999,994,500	0	8,999,994,500
12/11/2024	0001006061	Nhận tiền kỳ quỹ IM/ Receive the cash collateral asset	13,700,721,514	0	22,700,716,014
13/11/2024	0001006061	Tăng tiền kỳ quỹ/ VSDC's confirmation of completion required to deposit by cash	9,994,500	0	22,710,710,514
13/11/2024	0001006061	Tăng tiền kỳ quỹ/ VSDC's confirmation of completion required to deposit by cash	3,899,994,500	0	26,610,705,014
13/11/2024	0001006061	Tăng tiền kỳ quỹ/ VSDC's confirmation of completion required to deposit by cash	999,994,500	0	27,610,699,514
13/11/2024	0001006061	Tăng tiền kỳ quỹ/ VSDC's confirmation of completion required to deposit by cash	9,994,500	0	27,620,694,014
13/11/2024	0001006061	Rút tiền kỳ quỹ về tài khoản phái sinh (Online) / Cash	0	100,000,000	27,520,694,014

**Bước 2:** Nhập các thông tin sau:

- TKGD: Mặc định tiểu khoản phái sinh.
- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

**Bước 3:** Nhấn nút **Tìm kiếm** để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

**Bước 4:** Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra tập tin Excel hoặc PDF.

**Lưu ý:**

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút **Số bản ghi trong trang**  để tùy chỉnh theo ý muốn.

- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà Khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem **Trang 1 trong 6 (6 Trang)**

**3.3.2. Lịch sử GD tiền TKGD**

Báo cáo Lịch sử giao dịch tiền TKGD dùng để xem lịch sử các giao dịch và số dư tiền mà công ty chứng khoán quản lý.

**Bước 1:** Vào Quản lý tài khoản ➔ chọn Tài khoản phái sinh ➔ chọn Tra cứu ➔ chọn Lịch sử giao dịch thanh toán ➔ chọn Lịch sử GD tiền TKGD.

Ngày	Mô tả	Chi tiết giao dịch tiền		Số dư
		Tăng	Giảm	
	Số dư đầu kỳ			0
08/11/2024	Nhận báo có từ ngân hàng/ Receive credit from bank	9,000,000,000	0	9,000,000,000
11/11/2024	Nộp tiền kỳ quỹ lên VSD/ Cash deposit to VSDC	0	8,999,994,500	5,500
11/11/2024	Phi nộp kỳ quỹ/ Cash deposit to VSDC	0	5,000	500
11/11/2024	Thuế nộp kỳ quỹ/ Cash deposit to VSDC	0	500	0
12/11/2024	Thu phí GD ngày 12/11/2024/ Collect trading fee	0	1,292,800	-1,292,800
12/11/2024	Giải ngân khoản chậm trả/ Late payment disbursement	1,292,800	0	0
12/11/2024	Thanh toán VM ngày 12/11/2024/ Variation margin payment	0	4,256,351,000	-4,256,351,000
12/11/2024	Giải ngân khoản chậm trả/ Late payment disbursement	4,256,351,000	0	0
13/11/2024	Nhận báo có từ ngân hàng/ Receive credit from bank	5,000,000,000	0	5,000,000,000
13/11/2024	Nộp tiền kỳ quỹ lên VSDC/ Cash deposit to VSDC	0	9,994,500	4,990,005,500

**Bước 2:** Nhập các thông tin sau:

- TKGD: Mặc định tiểu khoản phái sinh.
- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

**Bước 3:** Nhấn nút **Tìm kiếm** để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

**Bước 4:** Nhấn nút **↓** để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra tập tin Excel hoặc PDF.

**Lưu ý:**

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút **Số bản ghi trong trang**  để tùy chỉnh theo ý muốn.

- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà Khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem **Trang 1 trong 6 (6 Trang)**

### 3.3.3. Lịch sử GD tài sản đảm bảo

Báo cáo Lịch sử giao dịch tài sản đảm bảo dùng để xem lịch sử các giao dịch chứng khoán ký quỹ mà Khách hàng dùng làm tài sản đảm bảo.

**Bước 1:** Vào Quản lý tài khoản ➔ chọn Tài khoản phái sinh ➔ chọn Tra cứu ➔ chọn Lịch sử giao dịch thanh toán ➔ chọn Lịch sử GD tài sản đảm bảo.

Ngày	Mô tả	Mã CK	Chi tiết giao dịch CK	
			Tăng	Giảm
12/11/2024	Hoàn tất yêu cầu nộp CK ký quỹ/ CCP confirms request of collateral deposit by stock	TD1626456	10,000	0
12/11/2024	Rút chứng khoán ký quỹ/ Withdraw collateral by stock	TD1626456	0	5,000
13/11/2024	Rút chứng khoán ký quỹ/ Withdraw collateral by stock	TD1626456	0	1,000

**Bước 2:** Nhập các thông tin sau:

- TKGD: Mặc định tiểu khoản phái sinh.
- Mã CK: Nhập 1 mã chứng khoán hoặc không nhập gì (mặc định tất cả) để tra cứu.
- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

**Bước 3:** Nhấn nút để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

**Bước 4:** Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra tập tin Excel hoặc PDF.

Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút để tùy chỉnh theo ý muốn.

- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà Khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem

### 3.3.4. Lịch sử nộp tiền từ TKCS vào TKPS

Báo cáo Lịch sử nộp tiền từ TKCS vào TKPS dùng để xem lịch sử các giao dịch nộp tiền từ tài khoản cơ sở vào tài khoản phái sinh.

**Bước 1:** Vào Quản lý tài khoản ➔ chọn Tài khoản phái sinh ➔ chọn Tra cứu ➔ chọn Lịch sử giao dịch thanh toán ➔ chọn Lịch sử nộp tiền từ TKCS vào TKPS.

TCSC BẢNG GIÁ CÔNG CỤ PHẦN TÍCH GIAO DỊCH CƠ SỞ GIAO DỊCH PHÁI SINH QUẢN LÝ TÀI KHOẢN THIẾT LẬP					
LỊCH SỬ NỘP TIỀN TỪ TKCS VÀO TKPS					
TÀI KHOẢN		Từ ngày	Đến ngày		
Tổng hợp tài sản		01/10/2024	31/10/2024	Tìm kiếm	
Số dư tiền					
THANH TOÁN					
Nạp tiền	✓				
Rút tiền	✓				
Chứng khoán	✓				
Chức năng khác	✓				
TRA CỨU					
Lịch sử lệnh	✓				
Sao kê tài khoản	✓				
Lịch sử giao dịch thanh toán	^				
Lịch sử GD tiền TKKQ (VSDC)					
Lịch sử GD tiền TKGD					
Lịch sử GD tài sản đảm bảo					
Lịch sử nộp tiền từ TKCS vào TKPS					
Lịch sử nộp tiền từ TKPS vào TKKQ (VSDC)					
Lịch sử rút tiền từ TKKQ (VSDC) về TKPS					
Lịch sử rút tiền từ TKPS về TKCS					
Lịch sử rút tiền từ TKPS ra ngân hàng					

**Bước 2:** Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem

**Bước 3:** Nhấn nút để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

**Bước 4:** Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra tập tin Excel hoặc PDF.

### Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút để tùy chỉnh theo ý muốn.

- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà Khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem

### 3.3.5. Lịch sử nộp tiền từ TKPS vào TKKQ (VSDC)

Báo cáo Lịch sử nộp tiền từ TKPS vào TKKQ (VSDC) dùng để xem lịch sử các giao dịch nộp tiền từ tài khoản phái sinh vào tài khoản ký quỹ.

**Bước 1:** Vào Quản lý tài khoản ➡ chọn Tài khoản phái sinh ➡ chọn Tra cứu ➡ chọn Lịch sử giao dịch thanh toán ➡ chọn Lịch sử nộp tiền từ TKPS vào TKKQ (VSDC).

Ngày yêu cầu	Ngày hiệu lực	TK giao dịch	Số tiền nộp	Trạng thái
14/11/2024	14/11/2024	0001006061	9,682,075,812	Hoàn tất (VSDC xác nhận)
13/11/2024	13/11/2024	0001006061	994,500	Hoàn tất (VSDC xác nhận)
13/11/2024	13/11/2024	0001006061	9,994,500	Hoàn tất (VSDC xác nhận)
13/11/2024	13/11/2024	0001006061	9,994,500	Hoàn tất (VSDC xác nhận)
13/11/2024	13/11/2024	0001006061	3,899,994,500	Hoàn tất (VSDC xác nhận)
13/11/2024	13/11/2024	0001006061	999,994,500	Hoàn tất (VSDC xác nhận)
11/11/2024	11/11/2024	0001006061	8,999,994,500	Hoàn tất (VSDC xác nhận)
<b>Tổng:</b>			<b>23,603,042,812</b>	

**Bước 2:** Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

**Bước 3:** Nhấn nút **Tim kiếm** để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

**Bước 4:** Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra tập tin Excel hoặc PDF.

### Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút **Số bản ghi trong trang 25** để tùy chỉnh theo ý muốn.

- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà Khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem

### 3.3.6. Lịch sử rút tiền từ TKKQ (VSDC) về TKPS

Báo cáo Lịch sử rút tiền từ TKKQ (VSDC) về TKPS dùng để xem lịch sử các giao dịch rút tiền từ tài khoản ký quỹ về tài khoản phái sinh.

**Bước 1:** Vào Quản lý tài khoản ➔ chọn Tài khoản phái sinh ➔ chọn Tra cứu ➔ chọn Lịch sử giao dịch thanh toán ➔ chọn Lịch sử rút tiền từ TKKQ (VSDC) về TKPS.

Ngày yêu cầu	Ngày hiệu lực	TK giao dịch	Số tiền rút	Trạng thái
29/10/2024	29/10/2024	0001002922	10,000,000	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
25/10/2024	25/10/2024	0001002922	288,885	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
25/10/2024	25/10/2024	0001002922	200,000	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
25/10/2024	25/10/2024	0001002922	25,563	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
24/10/2024	24/10/2024	0001002922	29,999	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
22/10/2024	22/10/2024	0001002922	94,971,626,666	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
07/10/2024	07/10/2024	0001002922	80,000	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
02/10/2024	02/10/2024	0001002922	10,000	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
02/10/2024	02/10/2024	0001002922	77,000	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
02/10/2024	02/10/2024	0001002922	1,000,000	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
02/10/2024	02/10/2024	0001002922	1,000,000	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
02/10/2024	02/10/2024	0001002922	123,000	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)
02/10/2024	02/10/2024	0001002922	16,832	Chờ gửi / Chờ duyệt (VSDC)

**Bước 2:** Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem

**Bước 3:** Nhấn nút **Tìm kiếm** để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

**Bước 4:** Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra tập tin Excel hoặc PDF.

### Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút **Số bản ghi trong trang**  để tùy chỉnh theo ý muốn.

- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà Khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem

### 3.3.7. Lịch sử rút tiền từ TKPS về TKCS

Báo cáo Lịch sử rút tiền từ TKPS về TKCS dùng để xem lịch sử các giao dịch rút tiền từ tài khoản phái sinh về tài khoản cơ sở.

**Bước 1:** Vào Quản lý tài khoản ➔ chọn Tài khoản phái sinh ➔ chọn Tra cứu ➔ chọn Lịch sử giao dịch thanh toán ➔ chọn Lịch sử rút tiền từ TKPS về TKCS.

Ngày yêu cầu	Ngày hiệu lực	TK giao dịch	Số tiền rút	Trạng thái
29/10/2024	29/10/2024	0001002922	10,000,000	Hoàn tất
25/10/2024	25/10/2024	0001002922	5,000,000	Hoàn tất
25/10/2024	25/10/2024	0001002922	288,856	Hoàn tất
22/10/2024	22/10/2024	0001002922	2,323	Hoàn tất
02/10/2024	02/10/2024	0001002922	75,719	Hoàn tất
02/10/2024	02/10/2024	0001002922	1,230,000	Hoàn tất
02/10/2024	02/10/2024	0001002922	123,000	Hoàn tất

**Bước 2:** Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

**Bước 3:** Nhấn nút **Tìm kiếm** để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

**Bước 4:** Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra tập tin Excel hoặc PDF.

**Lưu ý:**

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút **Số bản ghi trong trang**  để tùy chỉnh theo ý muốn.

- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà Khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem **Trang 1 trong 6 (6 Trang)**

### 3.3.8. Lịch sử rút tiền từ TKPS ra ngân hàng

Báo cáo Lịch sử rút tiền từ TKPS ra Ngân hàng dùng để xem lịch sử các giao dịch rút tiền từ tài khoản phái sinh về tài khoản cơ sở.

**Bước 1:** Vào Quản lý tài khoản ➔ chọn Tài khoản phái sinh ➔ chọn Tra cứu ➔ chọn Lịch sử giao dịch thanh toán ➔ chọn Lịch sử rút tiền từ TKPS ra Ngân hàng.



**LỊCH SỬ RÚT TIỀN TỪ TKPS RA NGÂN HÀNG**

Từ ngày: 01/10/2024 Đến ngày: 31/10/2024 🔍 Tìm kiếm 📄

Ngày giao dịch	Ngày hiệu lực	TK giao dịch	Số tiền rút	Trạng thái
29/10/2024	29/10/2024	0001002922	10,000,000	Chờ duyệt
24/10/2024	24/10/2024	0001002922	12,222	Chờ duyệt
02/10/2024	02/10/2024	0001002922	1,230,000	Chờ duyệt
02/10/2024	02/10/2024	0001002922	123,000	Chờ duyệt
02/10/2024	02/10/2024	0001002922	100,000	Chờ duyệt

Trang 1 trong 1 (1 Trang) « < > » Số bản ghi trong trang: 25

**Bước 2:** Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

**Bước 3:** Nhấn nút 🔍 Tìm kiếm để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

**Bước 4:** Nhấn nút 📄 để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra tập tin Excel hoặc PDF.

### Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút Số bản ghi trong trang 25 để tùy chỉnh theo ý muốn.

- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà Khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem Trang 1 trong 6 (6 Trang) « < > »

### 3.3.9. Lịch sử tất toán khoản chậm trả

Báo cáo Lịch sử tất toán khoản chậm trả dùng để xem lịch sử các giao dịch thanh toán khoản chậm trả.

**Bước 1:** Vào Quản lý tài khoản ➡ chọn Tài khoản phái sinh ➡ chọn Tra cứu ➡ chọn Lịch sử giao dịch thanh toán ➡ chọn Lịch sử tất toán khoản chậm trả.

Ngày hiệu lực	TK giao dịch	Khoản chậm trả đã thanh toán	Phí chậm trả đã thanh toán	Kênh thực hiện
14/11/2024	0001006061	10,000,000	1,531,448	Online
<b>Tổng:</b>		<b>10,000,000</b>	<b>1,531,448</b>	

**Bước 2:** Nhập các thông tin sau:

- Từ ngày: Nhập ngày bắt đầu của khoảng thời gian muốn xem.
- Đến ngày: Nhập ngày kết thúc của khoảng thời gian muốn xem.

**Bước 3:** Nhấn nút **Tìm kiếm** để hiển thị thông tin tra cứu theo tiêu chí.

**Bước 4:** Nhấn nút để kết xuất Lịch sử khớp lệnh ra tập tin Excel hoặc PDF.

**Lưu ý:**

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút để tùy chỉnh theo ý muốn.

- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà Khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem

### 3.4. Thông tin

#### 3.4.1. Thông tin mã hợp đồng

Vào Quản lý tài khoản ➔ chọn Tài khoản phái sinh ➔ chọn Thông tin ➔ chọn Thông tin mã hợp đồng.

BẢNG GIÁ   CỘNG CỤ PHẦN TÍCH   GIAO DỊCH CƠ SỞ   GIAO DỊCH PHÁI SINH   QUẢN LÝ TÀI KHOẢN   THIẾT LẬP

31/10/2024 11:18:33
Derivative.0001002922 (D)
Titan

**NỘP TIỀN**

- Nộp tiền
- Rút tiền
- Chứng khoán
- Chức năng khác

**TRA CỨU**

- Lịch sử lệnh
- Sao kê tài khoản
- Lịch sử giao dịch thanh toán
- Lịch sử GD tiền TKKQ (VSDC)
- Lịch sử GD tiền TKGD
- Lịch sử GD tài sản đảm bảo
- Lịch sử nộp tiền từ TKCS vào TKPS
- Lịch sử nộp tiền từ TKPS vào TKKQ (VSDC)
- Lịch sử rút tiền từ TKKQ (VSDC) về TKPS
- Lịch sử rút tiền từ TKPS về TKCS
- Lịch sử rút tiền từ TKPS ra ngân hàng
- Lịch sử tất toán khoản chậm trả

**THÔNG TIN**

- Thông tin mã hợp đồng
- Danh sách CK được ký quỹ

### THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG

Mã hợp đồng:

THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG	
Tên hợp đồng	HDTL trái phiếu chính phủ 10 năm
Mã hợp đồng	GB10
Tài sản cơ sở	VGB10
Hệ số nhân	10.000 đồng
Quy mô hợp đồng	1.000.000.000 đồng
Tháng đáo hạn	Tháng cuối quý hiện tại, tháng cuối hai quý kế tiếp
Phương thức giao dịch	Khớp lệnh & thỏa thuận
Thời gian giao dịch	Mở cửa trước 15 phút và đóng cửa cùng lúc với thị trường cơ sở
Biên độ dao động giá	+/- 3%
Bước giá	1 đồng
Đơn vị giao dịch	1 Hợp đồng
KLGD tối thiểu	1 Hợp đồng
Ngày GD cuối cùng	Ngày 15 của tháng đáo hạn
Ngày thanh toán cuối cùng	Ngày làm việc thứ 3 sau ngày giao dịch cuối cùng
Phương thức thanh toán	Vật chất
Phương pháp xác định giá thanh toán hàng ngày	Theo quy định của VSDC
Phương pháp xác định giá thanh toán cuối cùng	Theo quy định của VSDC
Giá tham chiếu	Giá thanh toán cuối ngày của ngày giao dịch liền trước hoặc giá lý thuyết (đối với ngày giao dịch đầu tiên)
Tiêu chuẩn trái phiếu giao hàng	
Giới hạn vị thế	NDT cá nhân: Chưa thực hiện, NDT Tổ chức: 5.000, NDT chứng khoán chuyên nghiệp: 10.000
Mức ký quỹ	Theo quy định TCSC

**CÁC MẪU HỢP ĐỒNG HIỆN TẠI**

Mã hợp đồng	Ngày đáo hạn
GB10F2409	25/07/2024
GB10F2502	01/10/2024
GB10F2503	20/03/2025
GB10F2601	04/07/2024
GB10F2412	19/12/2024

### 3.4.2. Danh sách CK được ký quỹ

Báo cáo Danh sách CK được ký quỹ dùng để xem các thông tin về các mã chứng khoán đủ điều kiện ký quỹ, gồm:

- Mã CK
- Tỷ lệ giảm trừ (%)
- Giá tối đa
- Giá tính tài sản

BẢNG GIÁ | CÔNG CỤ PHÂN TÍCH | GIAO DỊCH CƠ SỞ | GIAO DỊCH PHÁI SINH | QUẢN LÝ TÀI KHOẢN | THIẾT LẬP

31/10/2024 11:32:18

Derivative.0001002922 (D)

Titan

TRA CỨU

- Nộp tiền
- Rút tiền
- Chứng khoán
- Chức năng khác
- TRA CỨU**
- Lịch sử lệnh
- Sao kê tài khoản
- Lịch sử giao dịch thanh toán
- Lịch sử GD tiền TKKQ (VSDC)
- Lịch sử GD tiền TKGD
- Lịch sử GD tài sản đảm bảo
- Lịch sử nộp tiền từ TKPS vào TKPS
- Lịch sử nộp tiền từ TKPS vào TKKQ (VSDC)
- Lịch sử rút tiền từ TKKQ (VSDC) về TKPS
- Lịch sử rút tiền từ TKPS về TKCS
- Lịch sử rút tiền từ TKPS ra ngân hàng
- Lịch sử tất toán khoản chậm trả

THÔNG TIN

- Thông tin mở hợp đồng
- Danh sách CK được ký quỹ

DANH SÁCH CK ĐƯỢC KÝ QUỸ

Mã CK	Tỷ lệ giảm trừ (%)	Giá tối đa	Giá tính tài sản
A32	30	100,000,000	25,620
ACM	60	100,000,000	600
AFX	50	100,000,000	7,090
FBT	50	100,000,000	0
AAA	40	100,000	39,120
AAASA	30	100,000,000	0
ABI	50	100,000,000	19,501
AAM	50	100,000,000	6,525
ALV	50	100,000,000	900
ANT	20	10,000	8,000
AOD	60	100,000,000	0
AC4	50	100,000,000	1,500

Trang 1 trong 1 (1 Trang)
Số bản ghi trong trang

### Lưu ý:

- Tùy chỉnh số lượng bản ghi trên một trang, nhấn nút Số bản ghi trong trang 25 để tùy chỉnh theo ý muốn.
- Khi số lượng bản ghi nhiều ở nhiều trang, chọn số trang mà Khách hàng cần xem. Nhấn trang số cần xem Trang 1 trong 6 (6 Trang)

# PHỤ LỤC

Webtrade TCiPro \_\_\_\_\_

# 1. Stop Up (Thị trường xu hướng tăng)

## 1.1. Khái niệm

Là lệnh dừng khi thị trường có xu thế tăng, lệnh được kích hoạt để đẩy vào Sổ giao dịch ở một mức giá được xác định trước khi thị trường tăng đến hoặc vượt qua giá dừng (Stop price).

- **Stop price:** khi giá thị trường chạm đến hoặc vượt ngưỡng mức giá dừng (Stop price) đã cài đặt, lệnh Stop Up sẽ được kích hoạt để đẩy vào Sổ giao dịch với giá giới hạn (Limit price).
- **Limit price** là giá đặt sau khi điều kiện (Stop price) được kích hoạt.

## 1.2. Mục đích:

- Bán: chốt lãi tự động khi nhà đầu tư đang nắm giữ vị thế Mua.
- Mua: dừng lỗ tự động khi nhà đầu tư đang nắm giữ vị thế Bán.
- Mở mới vị thế: Mua hoặc Bán khi giá thị trường vượt qua ngưỡng chặn (Giá dừng).

## 1.3. Ví dụ minh họa

### Ví dụ 1: Bán chốt lãi tự động khi nhà đầu tư nắm giữ vị thế Mua

Nhà đầu tư đang nắm giữ 1 vị thế Mua Hợp đồng tương lai (HĐTL), mã VN30F2412 tại mức giá vốn = 910 = giá thị trường. Nhà đầu tư nhận thấy thị trường đang có xu hướng tăng và cần chốt lãi khi thị trường đạt 921, nên đặt 1 lệnh Stop Up: Bán 1 HĐTL VN30F2412 với giá 920 và giá kích hoạt là 921, giá thị trường biến đổi trong phiên như sau:

Thời điểm	1	2	3	4	5
Giá thị trường	910	912	909	918	921
Giá dừng	921	921	921	921	921
Giá giới hạn	920	920	920	920	920

Như vậy, đến thời điểm thứ 5 khi giá thị trường = giá dừng, lệnh bán LO: 1 HĐTL VN30F2412 – giá 920 sẽ được kích hoạt và đẩy vào Sổ giao dịch.

### Ví dụ 2: Mua dừng lỗ tự động khi nhà đầu tư nắm giữ vị thế Bán

Nhà đầu tư đang nắm giữ 1 vị thế Bán HĐTL, mã VN30F2412 tại mức giá vốn bằng 910 bằng giá thị trường. Nhà đầu tư nhận thấy thị trường đang có xu hướng tăng và cần cắt lỗ khi thị trường đạt 920, nên đặt 1 lệnh Stop Up: Mua 1 HĐTL VN30F2412 với giá 921 và giá kích hoạt là 920, giá thị trường biến đổi trong phiên như sau:

Thời điểm	1	2	3	4	5
Giá thị trường	910	912	915	918	920
Giá dừng	920	920	920	920	920
Giá giới hạn	921	921	921	921	921

Như vậy, đến thời điểm thứ 5 khi giá thị trường = giá dừng thì lệnh mua LO: 1 HĐTL VN30F2412 – giá 921 sẽ được kích hoạt và đẩy vào Sổ giao dịch.

### Ví dụ 3: Mở vị thế Mua hoặc Bán khi giá thị trường vượt qua ngưỡng chặn

Giá thị trường của mã VN30F2412 đang là 920, nhà đầu tư nhận thấy thị trường sẽ tăng mạnh nếu vượt qua ngưỡng kháng cự 925, nên đặt lệnh Stop Up – Mua với giá giới hạn 926 và giá dừng là 925, giá thị trường biến đổi trong phiên như sau:

Thời điểm	1	2	3	4	5
Giá thị trường	920	918	922	924	926
Giá dừng	925	925	925	925	925
Giá giới hạn	926	926	926	926	926

## 2. Stop Down (Thị trường xu hướng giảm)

### 2.1. Khái niệm:

Lệnh dừng dừng khi thị trường có xu thế giảm, lệnh được kích hoạt đẩy vào Sở giao dịch ở một mức giá được xác định trước, khi thị trường giảm đến hoặc nhỏ hơn giá dừng.

- Giá dừng (Stop price) là mức giá khi mức giá thị trường (giá khớp gần nhất) chạm đến hoặc nhỏ hơn ngưỡng mức giá dừng đã cài đặt, lệnh Stop Down sẽ được kích hoạt để đẩy vào Sở giao dịch với giá giới hạn.
- Giá giới hạn (Limit price) là giá đặt được sử dụng sau khi điều kiện (Stop price) được kích hoạt.

### 2.2. Mục đích:

- Mua chốt lãi tự động khi nhà đầu tư đang nắm giữ vị thế Bán.
- Bán dừng lỗ tự động khi nhà đầu tư đang nắm giữ vị thế Mua.
- Mở mới vị thế: Mua hoặc Bán khi giá thị trường nhỏ hơn hoặc bằng ngưỡng giá dừng.

### 2.3. Ví dụ:

#### Ví dụ 1: Mua chốt lãi tự động khi nhà đầu tư nắm giữ vị thế Bán.

Nhà đầu tư đang nắm giữ 1 vị thế Bán HĐTL mã VN30F2412 tại mức giá vốn = 910 = giá thị trường. Nhà đầu tư nhận thấy thị trường đang có xu hướng giảm và cần chốt lãi khi thị trường đạt 900, nên đặt 1 lệnh Stop Down: Mua 1 HĐTL VN30F2412 với giá 901 và giá kích hoạt là 900, giá thị trường biến đổi trong phiên như sau:

Thời điểm	1	2	3	4	5
Giá thị trường	920	918	920	910	900
Giá dừng	900	900	900	900	900
Giá giới hạn	901	901	901	901	901

Như vậy, đến thời điểm thứ 5 khi giá thị trường = giá dừng thì lệnh mua LO: 1 HĐTL VN30F2412 với giá 901 sẽ được kích hoạt và đẩy vào Sở giao dịch.

## Ví dụ 2: Bán dừng lỗ tự động khi nhà đầu tư nắm giữ vị thế Mua.

Nhà đầu tư đang nắm giữ 1 vị thế Mua HĐTL mã VN30F2412 tại mức giá vốn = 910 = giá thị trường. Nhà đầu tư nhận thấy thị trường đang có xu hướng giảm và cần cắt lỗ khi thị trường đạt 900 nên đặt 1 lệnh Stop Down: Bán 1 HĐTL VN30F2412 với giá 899 và giá kích hoạt là 900, giá thị trường biến đổi trong phiên như sau:

Thời điểm	1	2	3	4	5
Giá thị trường	910	918	920	910	900
Giá dừng	900	900	900	900	900
Giá giới hạn	899	899	899	899	899

Như vậy, đến thời điểm thứ 5 khi giá thị trường = giá dừng thì lệnh Bán LO: 1 HĐTL VN30F2412 giá 899 sẽ được kích hoạt và đẩy vào Sở giao dịch.

## Ví dụ 3: Mở vị thế Mua hoặc Bán khi giá thị trường nhỏ hơn ngưỡng giá dừng.

Giá thị trường của mã VN30F2412 đang là 920, nhà đầu tư nhận thấy thị trường sẽ giảm qua ngưỡng kháng cự 910 nên đặt lệnh Stop Down – Bán với giá giới hạn 909 và giá dừng là 910, giá thị trường biến đổi trong phiên như sau:

Thời điểm	1	2	3	4	5
Giá thị trường	920	915	918	916	910
Giá dừng	910	910	910	910	910
Giá giới hạn	909	909	909	909	909

Như vậy, đến thời điểm 5 giá thị trường = giá dừng thì lệnh bán LO: 1 HĐTL với giá 909 được kích hoạt và đẩy vào Sở giao dịch.

# 3. Trailing Buy (Lệnh Mua xu hướng)

### 3.1. Khái niệm:

Là lệnh Mua với giá mua bám sát xu thế giảm của thị trường để đạt được giá mua tốt nhất. Khi giá thị trường giảm, giá kích hoạt sẽ được điều chỉnh giảm tương ứng để đảm bảo không vượt quá biên độ giá; khi giá thị trường tăng, giá kích hoạt giữ nguyên. Khi giá thị trường vượt qua ( $\geq$ ) giá kích hoạt thì lệnh sẽ được kích hoạt.

- Trailing amount (biên độ giá kích hoạt điều chỉnh) là điểm chênh lệnh của giá thị trường tại thời điểm hiện tại và giá kích hoạt mua.
- Limit offset (bước giá điều chỉnh) là bước giá chênh lệch giữa giá đặt lệnh so với giá thị trường tại thời điểm lệnh kích hoạt. Tại thời điểm giá thị trường  $\geq$  giá kích hoạt thì đẩy 1 lệnh LO với giá đặt = giá thị trường + bước giá điều chỉnh vào Sở giao dịch. Bước giá  $\geq 0$  và chẵn theo giá quy định của Sở giao dịch.



### 3.2. Mục đích:

- Mua chốt lãi tự động khi nhà đầu tư đang nắm giữ vị thế Bán.
- Mua dừng lỗ tự động khi nhà đầu tư đang nắm giữ vị thế Bán.
- Mở mới vị thế Mua với giá tối ưu để giảm thiểu chi phí.

### 3.3. Điều kiện kích hoạt lệnh:

- Giá kích hoạt thời điểm ban đầu:  $f(0) = P(0) + D$ .
- Giá kích hoạt:  $f(x) = \text{MIN}[f(x-1); P + D]$ .
- Điều kiện kích hoạt:  $f(x) \leq P$  hoặc  $\text{MIN}[f(x-1); P + D] - P \leq 0$ .

Trong đó:

- $f(x)$  là giá kích hoạt lệnh.
- $f(x-1)$  là giá kích hoạt ở bước trước đó.
- $P$  là giá thị trường tại thời điểm tính giá kích hoạt, tại thời điểm đầu phiên giao dịch, giá thị trường  $P(0)$  bằng giá tham chiếu.
- $D$  là biên độ tính giá kích hoạt = giá trị nhập vào (1, 2, 3, ...).

### 3.4. Ví dụ minh họa:

#### Ví dụ 1: Mua chốt lãi tự động khi nhà đầu tư nắm giữ vị thế Bán

Nhà đầu tư đang nắm giữ 1 vị thế Bán HĐTTL, mã VN30F2501 tại mức giá vốn = 905. Nhà đầu tư cần chốt lãi vị thế Bán đang có nên đặt 1 lệnh Trailing Buy: Mua 1 HĐTTL VN30F2501 với biên độ giá kích hoạt  $D = 2$  và bước giá điều chỉnh = 0.2, giá thị trường biến đổi trong phiên như sau:

Thời điểm	0	1	2	3	4
Giá thị trường (P)	904	900	901	900	902
D	2	2	2	2	2
$f(x)$	906	902	902	902	902

#### Dựa trên tham số:

- Thời điểm 0, giá thị trường:  $P(0) = 904$
- ➡ Giá kích hoạt ban đầu:  $f(0) = P(0) + D = 904 + 2 = 906$
- Thời điểm 1, giá thị trường giảm:  $P(1) = 900$
- ➡ Giá kích hoạt:  $f(1) = \text{Min}[f(x-1); P + D] = \text{Min}[(f(0)); P(1) + D] = \text{Min}(906; 900 + 2) = 902$
- Thời điểm 2, giá thị trường tăng:  $P(2) = 901$
- ➡ Giá kích hoạt:  $f(2) = \text{Min}[f(1); P(2) + D] = \text{Min}(902; 903) = 902$
- Thời điểm 3, giá thị trường giảm:  $P(3) = 900$
- ➡ Giá kích hoạt:  $f(3) = \text{Min}[f(x-1); P + D] = \text{Min}[(f(2)); P(3) + D] = \text{Min}(902; 900 + 2) = 902$
- Đến thời điểm 4, giá thị trường chạm giá kích hoạt:  $P(4) = 902 = f(3)$
- ➡ **Lệnh Trailing Buy được kích hoạt**, đẩy 1 lệnh Mua LO 1 HĐTTL VN30F2501 với giá đặt lệnh =  $P(4) + 0.2 = 902 + 0.2 = 902.2$  vào Sở giao dịch.

#### Ví dụ 2: Mua dừng lỗ tự động khi nhà đầu tư nắm giữ vị thế Bán

Nhà đầu tư đang nắm giữ 1 vị thế Bán HĐTTL mã VN30F2501 tại mức giá vốn = 905. Nhà đầu tư cần dừng lỗ vị thế Bán đang có nên đặt 1 lệnh Trailing Buy: Mua 1 HĐTTL VN30F2501 với biên độ giá kích hoạt  $D = 3$  và bước giá điều chỉnh = 0.1, giá thị trường biến đổi trong phiên như sau:

Thời điểm	0	1	2	3	4
Giá thị trường (P)	910	907	909	906	911
D	3	3	3	3	3
f(x)	913	910	910	909	909

### Dựa trên tham số:

- Thời điểm 0, giá thị trường:  $P(0) = 910$
- ➔ Giá kích hoạt:  $f(0) = P(0) + D = 910 + 3 = 913$
- Thời điểm 1, giá thị trường giảm:  $P(1) = 907$
- ➔ Giá kích hoạt:  $f(1) = \text{Min}[f(x-1); P + D] = \text{Min}[(f(0); P(1) + D)] = \text{Min}(913; 907 + 3) = 910$
- Thời điểm 2, giá thị trường tăng:  $P(2) = 909$
- ➔ Giá kích hoạt:  $f(2) = \text{Min}[(f(x-1); P + D)] = \text{Min}[(f(1); P(2) + D)] = \text{Min}(910; 909 + 3) = 910$
- Thời điểm 3, giá thị trường giảm:  $P(3) = 906$
- ➔ Giá kích hoạt:  $f(3) = \text{Min}[(f(x-1); P + D)] = \text{Min}[(f(2); P(3) + D)] = \text{Min}(910; 906 + 3) = 909$
- Đến thời điểm 4, giá thị trường tăng vượt giá kích hoạt:  $P(4) = 911 > f(3)$
- ➔ **Lệnh Trailing Buy được kích hoạt**, đây 1 lệnh Mua LO 1 HĐTL VN30F2501 với giá đặt lệnh =  $P(4) + 0.1 = 911 + 0.1 = 911.1$  vào Sở giao dịch.

### Ví dụ 3: Mở vị thế Mua với mức giá tối ưu

Giá thị trường của mã VN30F2501 đang là 920, nhà đầu tư thấy thị trường sẽ tạo được những điểm đáy nhẹ nên nhà đầu tư mua 1 HĐTL VN30F2501 với mức giá tối ưu nên đặt lệnh Trailing Buy – Mua với biên độ giá kích hoạt  $D = 4$  và bước giá điều chỉnh = 0.1, giá thị trường biến đổi trong phiên như sau:

Thời điểm	0	1	2	3	4
Giá thị trường (P)	920	915	918	914	918
D	4	4	4	4	4
f(x)	924	919	919	918	918

### Dựa trên tham số:

- Thời điểm 0, giá thị trường:  $P(0) = 920$
- ➔ Giá kích hoạt:  $f(0) = P(0) + D = 920 + 4 = 924$
- Thời điểm 1, giá thị trường giảm:  $P(1) = 915$
- ➔ Giá kích hoạt:  $f(1) = \text{Min}[(f(x-1); P + D)] = \text{Min}[f(0); P(1) + D] = \text{Min}(924; 915 + 4) = 919$
- Thời điểm 2, giá thị trường tăng:  $P(2) = 918$
- ➔ Giá kích hoạt:  $f(2) = \text{Min}[(f(x-1); P + D)] = \text{Min}[f(1); P(2) + D] = \text{Min}(919; 918 + 4) = 919$
- Thời điểm 3, giá thị trường giảm:  $P(3) = 914$
- ➔ Giá kích hoạt:  $f(3) = \text{Min}[(f(x-1); P + D)] = \text{Min}[f(2); P(3) + D] = \text{Min}(919; 914 + 4) = 918$
- Đến thời điểm 4, giá thị trường chạm giá kích hoạt:  $P(4) = 918 = f(3)$
- ➔ **Lệnh Trailing Buy được kích hoạt**, đây 1 lệnh Mua LO 1 HĐTL VN30F2501 với giá đặt lệnh =  $P(4) + 0.1 = 918 + 0.1 = 918.1$  vào Sở giao dịch.

## 4. Trailing Sell (Lệnh Bán xu hướng)

### 4.1. Khái niệm:

Là lệnh Bán với giá bán bám sát xu thế tăng của thị trường để đạt được giá Bán tốt nhất. Khi giá thị trường tăng, giá kích hoạt sẽ được điều chỉnh tăng tương ứng để đảm bảo không vượt quá biên độ giá; khi giá thị trường giảm, giá kích hoạt giữ nguyên. Khi giá thị trường vượt dưới ngưỡng ( $\leq$ ) giá kích hoạt thì lệnh sẽ được kích hoạt.

- Trailing amount (biên độ giá kích hoạt điều chỉnh): là chênh lệch giữa giá thị trường tại thời điểm hiện tại và giá kích hoạt bán.
- Limit offset (Bước giá điều chỉnh): là giá chênh lệch giữa giá đặt lệnh so với giá thị trường tại thời điểm lệnh kích hoạt. Tại thời điểm giá thị trường  $\leq$  giá kích hoạt, đẩy 1 lệnh LO với giá đặt = giá thị trường - bước giá điều chỉnh vào Sở giao dịch. Bước giá  $\geq 0$  và chẵn theo giá quy định của Sở giao dịch.

### 4.2. Mục đích:

- Bán chốt lãi tự động khi nhà đầu tư đang nắm giữ vị thế Mua.
- Bán dừng lỗ tự động khi nhà đầu tư đang nắm giữ vị thế Mua.
- Mở mới vị thế Bán với giá bán tối ưu để giảm thiểu chi phí.

### 4.3. Điều kiện kích hoạt lệnh:

- Giá kích hoạt thời điểm ban đầu:  $f(0) = P(0) - D$
- Giá kích hoạt:  $f(x) = \text{MAX}[f(x-1), P - D]$
- Điều kiện kích hoạt:  $f(x) \geq P$ , hay  $\text{MAX}[f(x-1), P - D] - P \geq 0$

Trong đó:

- $f(x)$ : là giá kích hoạt lệnh
- $f(x-1)$ : là giá kích hoạt ở bước trước đó
- $P$ : là giá thị trường tại thời điểm tính giá kích hoạt, tại thời điểm đầu phiên giao dịch, giá thị trường  $P(0)$  bằng giá tham chiếu
- $D$ : là biên độ tính giá kích hoạt = giá trị nhập vào (1, 2, 3, ...)

### 4.4. Ví dụ minh họa:

#### Ví dụ 1: Bán chốt lãi tự động khi nhà đầu tư nắm giữ vị thế Mua

Nhà đầu tư đang nắm giữ 1 vị thế Mua HDTL, mã VN30F2501 tại mức giá vốn = 905. Nhà đầu tư cần chốt lãi vị thế Mua đang có nên đặt 1 lệnh Trailing Sell: Bán 1 HDTL VN30F2501 với biên độ giá kích hoạt  $D = 3$  và bước giá điều chỉnh = 0.1, giá thị trường biến đổi trong phiên như sau:

Thời điểm	0	1	2	3	4
Giá thị trường (P)	908	910	909	914	911
D	3	3	3	3	3
f(x)	905	907	907	911	911

#### Dựa trên tham số:

- Thời điểm 0, giá thị trường:  $P(0) = 908$
- Giá kích hoạt:  $f(0) = P(0) - D = 908 - 3 = 905$

- Thời điểm 1, giá thị trường tăng:  $P(1) = 910$
- ➔ Giá kích hoạt:  $f(1) = \text{Max}[f(x-1), P - D] = \text{Max}[f(0); P(1) - D] = \text{Max}(905; 910 - 3) = 907$
- Thời điểm 2, giá thị trường giảm:  $P(2) = 909$
- ➔ Giá kích hoạt:  $f(2) = \text{Max}[f(x-1), P - D] = \text{Max}[(f(1); P(2) - D) = \text{Max}(907; 909 - 3) = 907$
- Thời điểm 3, giá thị trường tăng:  $P(3) = 914$
- ➔ Giá kích hoạt:  $f(3) = \text{Max}[f(x-1), P - D] = \text{Max}[(f(2); P(3) - D) = \text{Max}(907; 914 - 3) = 911$
- Đến thời điểm 4, giá thị trường giảm chạm giá kích hoạt:  $P(4) = 911 = f(3)$
- ➔ **Lệnh Trailing Sell được kích hoạt**, đẩy 1 lệnh Bán LO 1 HDTL VN30F2501 với giá đặt lệnh =  $P(4) - 0.1 = 911 - 0.1 = 910.9$  vào Sở giao dịch.

### Ví dụ 2: Bán dừng lỗ tự động khi nhà đầu tư nắm giữ vị thế Mua

Nhà đầu tư đang nắm giữ 1 vị thế Mua HDTL mã VN30F2501 tại mức giá vốn = 905. Nhà đầu tư cần cắt lỗ vị thế mua đang có nên đặt 1 lệnh Trailing Sell: Bán 1 HDTL VN30F2501 với biên độ giá kích hoạt  $D = 2$  và bước giá điều chỉnh = 0.2, giá thị trường biến đổi trong phiên như sau:

Thời điểm	0	1	2	3	4
Giá thị trường (P)	904	905	904	906	900
D	2	2	2	2	2
f(x)	902	903	903	904	904

#### Dựa trên tham số:

- Thời điểm 0, giá thị trường:  $P(0) = 904$
- ➔ Giá kích hoạt:  $f(0) = P(0) - D = 904 - 2 = 902$
- Thời điểm 1, giá thị trường tăng:  $P(1) = 905$
- ➔ Giá kích hoạt:  $f(1) = \text{Max}[f(x-1), P - D] = \text{Max}[(f(0); P(1) - D) = \text{Max}(902; 905 - 2) = 903$
- Thời điểm 2, giá thị trường giảm:  $P(2) = 904$
- ➔ Giá kích hoạt:  $f(2) = \text{Max}[f(x-1), P - D] = \text{Max}[(f(1); P(2) - D) = \text{Max}(903; 904 - 2) = 903$
- Thời điểm 3, giá thị trường tăng:  $P(3) = 906$
- ➔ Giá kích hoạt:  $f(3) = \text{Max}[f(x-1), P - D] = \text{Max}[(f(2); P(3) - D) = \text{Max}(903; 906 - 2) = 904$
- Đến thời điểm 4, giá thị trường giảm, nhỏ hơn giá kích hoạt:  $P(4) = 900 < f(3)$
- ➔ **Lệnh Trailing Sell được kích hoạt**, đẩy 1 lệnh Bán LO 1 HDTL VN30F2501 với giá đặt lệnh =  $P(4) - 0.2 = 900 - 0.2 = 899.8$  vào Sở giao dịch.

### Ví dụ 3: Mở vị thế Bán với mức giá tối ưu

Giá thị trường của mã VN30F2501 đang là 920, nhà đầu tư thấy thị trường sẽ tạo được những điểm đáy nhẹ nên nhà đầu tư mua 1 HDTL VN30F2501 với mức giá tối ưu nên đặt lệnh Trailing Sell với biên độ giá kích hoạt  $D = 4$  và bước giá điều chỉnh = 0.1, giá thị trường biến đổi trong phiên như sau:

Thời điểm	0	1	2	3	4
Giá thị trường (P)	920	925	922	923	918
D	4	4	4	4	4
f(x)	916	921	921	921	921

**Dựa trên tham số:**

- Thời điểm 0, giá thị trường:  $P(0) = 920$
- ➔ Giá kích hoạt:  $f(0) = P(0) - D = 920 - 4 = 916$
- Thời điểm 1, giá thị trường tăng:  $P(1) = 925$
- ➔ Giá kích hoạt:  $f(1) = \text{Max}[f(x-1); P - D] = \text{Max}[(f(0); P(1) - D)] = \text{Max}(916; 925 - 4) = 921$
- Thời điểm 2, giá thị trường giảm:  $P(2) = 922$
- ➔ Giá kích hoạt:  $f(2) = \text{Max}[f(x-1), P - D] = \text{Max}[(f(1); P(2) - D)] = \text{Max}(921; 922 - 4) = 921$
- Thời điểm 3, giá thị trường tăng:  $P(3) = 923$
- ➔ Giá kích hoạt:  $f(3) = \text{Max}[f(x-1), P - D] = \text{Max}[(f(2); P(3) - D)] = \text{Max}(921; 923 - 4) = 921$
- Đến thời điểm 4, giá thị trường chạm giá kích hoạt:  $P(4) = 918 < f(3)$
- ➔ **Lệnh Trailing Sell được kích hoạt**, đây 1 lệnh Bán LO 1 HĐTL VN30F2501 với giá đặt lệnh =  $P(4) - 0.1 = 918 - 0.1 = 917.9$  vào Sở giao dịch.

## 5. OCO (Lệnh đặt và hủy liên hoàn – One Cancels Other Order)

### 5.1. Khái niệm:

Là lệnh kết hợp giữa một lệnh dừng lỗ (Stop Up hoặc Stop Down) và một lệnh giới hạn để đóng vị thế đang mở tại mức giá nhà đầu tư kỳ vọng (hai lệnh này cùng loại Mua/Bán, cùng mã và cùng khối lượng).

- Trường hợp lệnh giới hạn Hủy/Sửa hoặc nhận được tín hiệu khớp (khớp một phần hoặc khớp hết) thì sẽ hủy lệnh dừng.
- Trường hợp lệnh dừng được kích hoạt thì lệnh giới hạn sẽ bị hủy (với điều kiện lệnh giới hạn được phép hủy).

### 5.2. Mục đích:

- Đặt lệnh bán giới hạn chốt lời trên vị thế mua đang có kèm lệnh Stop Down tự động cắt lỗ nếu xu hướng thị trường giảm.
- Đặt lệnh mua giới hạn chốt lời trên vị thế bán đang có kèm theo lệnh Stop Up tự động cắt lỗ nếu xu hướng thị trường tăng.
- Mở mới vị thế Mua/Bán theo nhu cầu của nhà đầu tư.

### 5.3. Ví dụ minh họa:

#### Ví dụ 1: Lệnh bán giới hạn chốt lời trên vị thế Mua đang có kèm lệnh Stop Down tự động cắt lỗ nếu xu hướng thị trường giảm

Nhà đầu tư đang nắm giữ 1 vị thế Mua HĐTL mã VN30F2501 tại mức giá vốn = 910 = giá thị trường. Nhà đầu tư sử dụng lệnh OCO Bán để kỳ vọng chốt lời tại giá 920 và không mong cắt lỗ ở mức giá nhỏ hơn 905 (khi giá thị trường dưới ngưỡng 905 thì nhà đầu tư chấp nhận bán với giá 904.5); giá thị trường biến đổi trong phiên như sau:

Thời điểm	1	2	3	4	5
Giá thị trường	910	912	915	918	920
Giá chốt lời	920	920	920	920	920
Giá dừng	905	905	905	905	905
Giá cắt lỗ	904.5	904.5	904.5	904.5	904.5

**Lệnh OCO được sử dụng tạo ra 2 lệnh:** 1 lệnh giới hạn Bán được đẩy vào hệ thống và gửi lên Sở giao dịch với giá 920; 1 lệnh Stop Down Bán ở trạng thái “Chờ kích hoạt” với giá dừng = 905 và giá đặt cho lệnh dừng = 904.5.

### Theo dõi diễn biến thị trường:

- Đến thời điểm thứ 5, khi giá thị trường tăng đến 920 và lệnh giới hạn Bán với giá 920 được khớp hết
  - ➔ Hệ thống sinh yêu cầu hủy lệnh Stop Down Bán ở trạng thái “Chờ kích hoạt” với giá dừng = 905 và giá đặt cho lệnh dừng = giá cắt lỗ = 904.5
- Giả sử đến thời điểm thứ 3, thị trường không tăng lên 915 mà giảm xuống giá 905 = giá dừng thì khi đó:
  - ➔ Lệnh Stop Down Bán ở trạng thái “Chờ kích hoạt” với giá dừng = 905 và giá đặt cho lệnh dừng = giá cắt lỗ = 904.5 được kích hoạt
  - ➔ Sinh lệnh con là lệnh bán để vào Sở giao dịch với giá = 904.5
  - ➔ Đồng thời sinh yêu cầu hủy cho lệnh giới hạn được đẩy vào Sở giao dịch ban đầu giá 920

### Ví dụ 2: Lệnh mua giới hạn chốt lời trên vị thế Bán đang có kèm theo lệnh Stop Up tự động cắt lỗ nếu xu hướng thị trường tăng

Nhà đầu tư đang nắm giữ 1 vị thế Bán HĐTL, mã VN30F2501 tại mức giá vốn = 910 = giá thị trường. Nhà đầu tư sử dụng lệnh OCO Mua để kỳ vọng chốt lời tại giá 900 và cắt lỗ ở mức giá vượt quá 915 (khi giá thị trường vượt quá 915 thì nhà đầu tư chấp nhận bán với giá 915.5); giá thị trường biến đổi trong phiên như sau:

Thời điểm	1	2	3	4	5
Giá thị trường	910	912	908	904	900
Giá chốt lời	900	900	900	900	900
Giá dừng	915	915	915	915	915
Giá cắt lỗ	915.5	915.5	915.5	915.5	915.5

**Lệnh OCO được sử dụng tạo ra 2 lệnh:** 1 lệnh giới hạn Mua được đẩy vào hệ thống và gửi lên Sở giao dịch với giá 900; 1 lệnh Stop Up Mua ở trạng thái “Chờ kích hoạt” với giá dừng = 915 và giá đặt cho lệnh dừng = 915.5.

### Theo dõi diễn biến thị trường:

- Đến thời điểm thứ 5, khi giá thị trường giảm đến 900 và lệnh giới hạn Mua với giá 900 được khớp hết
  - ➔ Hệ thống sinh yêu cầu hủy lệnh Stop Up Mua ở trạng thái “Chờ kích hoạt” với giá dừng = 915 và giá đặt cho lệnh dừng = giá cắt lỗ = 915.5
- Giả sử đến thời điểm thứ 3, thị trường không giảm tới 908 mà tăng tới giá 915 = giá dừng thì khi đó:
  - ➔ Lệnh Stop Up Mua ở trạng thái “Chờ kích hoạt” với giá dừng = 915 và giá đặt cho lệnh dừng = giá cắt lỗ = 915.5 được kích hoạt
  - ➔ Sinh lệnh con là lệnh mua để vào Sở giao dịch với giá = 915.5
  - ➔ Đồng thời sinh yêu cầu hủy cho lệnh giới hạn được đẩy vào Sở giao dịch ban đầu giá 900

### Ví dụ 3: **Lệnh OCO mở mới vị thế Mua/Bán theo nhu cầu của nhà đầu tư**

Giá thị trường của mã VN30F2501 đang là 920, nhà đầu tư muốn mở mới vị thế khi giá thị trường vượt qua ngưỡng kháng cự 925 và 915 nên đặt lệnh OCO Mua với: một lệnh giới hạn với giá 915 và lệnh dừng có giá dừng là 925, giá đặt cho lệnh dừng là 925.3, giá thị trường biến đổi trong phiên như sau:

Thời điểm	1	2	3
Giá thị trường	920	918	925
Giá chốt lời	915	915	915
Giá dừng	925	925	925
Giá cắt lỗ	925.3	925.3	925.3

**Lệnh OCO được sử dụng tạo ra 2 lệnh:** 1 lệnh giới hạn Mua được đẩy vào hệ thống và gửi lên Sở giao dịch với giá 915; 1 lệnh Stop Up Mua ở trạng thái “Chờ kích hoạt” với giá dừng = 925 và giá đặt cho lệnh dừng = 925.3.

#### Theo dõi diễn biến thị trường:

- Đến thời điểm thứ 3 khi giá thị trường tăng đến 925:
- ➔ Lệnh dừng Stop Up Mua ở trạng thái “Chờ kích hoạt” với giá dừng = 925 và giá đặt cho lệnh dừng = giá cắt lỗ = 925.3 được kích hoạt
- ➔ Sinh lệnh con là lệnh mua để đẩy vào Sở giao dịch với giá đặt = 925.3
- ➔ Đồng thời sinh yêu cầu hủy cho lệnh giới hạn Mua với giá 915

## 6. Bull & Bear

### 6.1. Khái niệm:

Là lệnh kết hợp giữa: một lệnh giới hạn và lệnh OCO cùng loại Mua/Bán cùng mã HĐTL:

- Sau khi lệnh giới hạn có tín hiệu khớp (bao gồm khớp một phần hoặc khớp hết), hệ thống sinh yêu cầu đẩy các cặp lệnh OCO tương ứng.
- Phần xử lý sinh các cặp lệnh OCO tương ứng theo tín hiệu khớp của lệnh giới hạn (1) sẽ thiết lập lựa chọn để nhà đầu tư lựa chọn trên giao diện đặt lệnh, bao gồm:
  - Lệnh mở khớp hết: lệnh giới hạn khớp hết mới sinh một lệnh OCO.
  - Lệnh mở có tín hiệu khớp: lệnh giới hạn có tín hiệu khớp từng phần thì sinh các cặp lệnh OCO tương ứng.

### 6.2. Mục đích:

- Mở mới vị thế Mua và đặt lệnh bán giới hạn chốt lời trên vị thế Mua đang có kèm lệnh Stop Down tự động cắt lỗ nếu xu hướng thị trường giảm.
- Mở mới vị thế Bán và đặt lệnh mua giới hạn chốt lời trên vị thế Bán đang có kèm theo lệnh Stop Up tự động cắt lỗ nếu xu hướng thị trường tăng.
- Mở mới vị thế Mua/Bán theo nhu cầu của nhà đầu tư.

### 6.3. Ví dụ minh họa:

**Chú ý:** Các ví dụ sau đây nhà đầu tư chọn xử lý lệnh mở khớp hết: lệnh giới hạn khớp hết mới sinh lệnh OCO.

### Ví dụ 1: Mở mới vị thế Mua đồng thời đặt lệnh bán giới hạn chốt lời trên vị thế Mua đang có kèm lệnh Stop Down tự động cắt lỗ nếu xu hướng thị trường giảm

Nhà đầu tư sử dụng lệnh Bull & Bear để mở mới một vị thế Mua với giá 960 đồng thời đưa ra mức kỳ vọng chốt lời là 10 điểm và cắt lỗ là 5 điểm, biên trượt = 0.2 trong trường hợp mở mới vị thế thành công; giá thị trường biến đổi trong phiên như sau:

Thời điểm	1	2	3	4	5
Giá thị trường	955	957	960	965	970
Giá đặt	960	960	960	960	960
Giá chốt lời	970	970	970	970	970
Giá dừng	955	955	955	955	955
Giá cắt lỗ	954.8	954.8	954.8	954.8	954.8

**Lệnh Bull & Bear khi đặt thành công**, đẩy một lệnh giới hạn Mua khối lượng 1 vào hệ thống và gửi lên Sở giao dịch với giá 960;

#### Theo dõi diễn biến thị trường:

- Đến thời điểm thứ 3, khi giá thị trường tăng đến 960, lệnh giới hạn Mua khối lượng 1 với giá 960 được khớp hết:
  - ➔ Hệ thống sinh yêu cầu đẩy vào cặp lệnh OCO Bán, bao gồm: 1 lệnh giới hạn để đóng vị thế với giá chốt lời = 970 được đẩy vào hệ thống và 1 lệnh dừng Stop Down Bán với giá dừng = 955, giá đặt của lệnh dừng = giá cắt lỗ = 954.8 ở trạng thái “Chờ kích hoạt”.
- Đến thời điểm thứ 5, giá thị trường tăng đến 970 lệnh giới hạn trong cặp lệnh OCO được khớp hết.
  - ➔ Hệ thống sinh yêu cầu hủy lệnh Stop Down còn lại.

### Ví dụ 2: Mở mới vị thế Bán và đặt lệnh mua giới hạn chốt lời trên vị thế Bán đang có kèm theo lệnh Stop Up tự động cắt lỗ nếu xu hướng thị trường tăng

Nhà đầu tư sử dụng lệnh Bull & Bear để mở mới một vị thế Bán với giá 960 và đưa ra mức kỳ vọng chốt lời là 10 điểm và điểm dừng cắt lỗ là 5, biên độ trượt = 0.2 trong trường hợp mở mới vị thế thành công; giá thị trường biến đổi trong phiên như sau:

Thời điểm	1	2	3	4	5
Giá thị trường	955	957	960	955	950
Giá đặt	960	960	960	960	960
Giá chốt lời	950	950	950	950	950
Giá dừng	965	965	965	965	965
Giá cắt lỗ	965.2	965.2	965.2	965.2	965.2



**Lệnh Bull & Bear khi đặt thành công**, thì đẩy 1 lệnh giới hạn Bán khối lượng 1 vào hệ thống và gửi lên Sở giao dịch với giá 960;

#### Theo dõi diễn biến thị trường:

- Đến thời điểm thứ 3, khi giá thị trường tăng đến 960 lệnh giới hạn Bán khối lượng 1 với giá 960 được khớp hết.
- ➔ Hệ thống sinh yêu cầu đẩy vào cặp lệnh OCO Mua, bao gồm: một lệnh giới hạn để đóng vị thế với giá chốt lời = 950 được đẩy vào hệ thống và 1 lệnh dừng Stop Up Mua với giá dừng lỗ = giá dừng = 965, giá đặt của lệnh dừng = giá cắt lỗ = 965.2 ở trạng thái “Chờ kích hoạt”.
- Đến thời điểm thứ 5, giá thị trường giảm xuống 950 lệnh giới hạn trong cặp lệnh OCO được khớp hết:
- ➔ Hệ thống sinh yêu cầu hủy lệnh Stop Up còn lại.

#### Ví dụ 3: Mở mới vị thế Mua/Bán theo nhu cầu của nhà đầu tư

Nhà đầu tư có một vị thế Bán mã HDTL VN30F2501 với giá vốn là 965. Nhà đầu tư sử dụng lệnh Bull & Bear để đóng vị thế Bán với giá 960 và mở mới vị thế Mua dưới dạng lệnh điều kiện khi giá thị trường tăng lên 960, đồng thời gửi lệnh OCO khi đó giá dừng = 955, biên trượt = 0.2, khi đó giá thị trường biến đổi trong phiên như sau:

Thời điểm	1	2	3	4	5
Giá thị trường	955	957	960	9965	955
Giá đặt	960	960	960	960	960
Giá chốt lời	970	970	970	970	970
Giá dừng	955	955	955	955	955
Giá cắt lỗ	954.8	954.8	954.8	954.8	954.8

**Lệnh Bull & Bear khi đặt thành công**, thì đẩy 1 lệnh giới hạn Mua khối lượng 1 được đẩy vào hệ thống và gửi lên Sở giao dịch với giá 960.

#### Theo dõi diễn biến thị trường:

- Đến thời điểm thứ 3, khi giá thị trường tăng đến 960 lệnh giới hạn Mua khối lượng 1 với giá 960 được khớp hết. Lệnh khớp đồng nghĩa với việc tài khoản của nhà đầu tư được đóng vị thế:
- ➔ Lãi đã thực hiện =  $1 \times (965 - 960) \times 100.000 = 500.000$
- ➔ Hệ thống sinh yêu cầu đẩy vào cặp lệnh OCO Bán, bao gồm: một lệnh giới hạn để tắt toán vị thế với giá chốt lời = 970 được đẩy vào hệ thống và một lệnh dừng Stop Down Bán với giá dừng lỗ = giá dừng = 955, giá đặt của lệnh dừng lỗ = giá cắt lỗ = 954.8 ở trạng thái “Chờ kích hoạt”
- Đến thời điểm thứ 5, giá thị trường giảm xuống 955 lệnh dừng trong cặp lệnh OCO được kích hoạt, đẩy vào hệ thống 1 lệnh Bán LO với giá LO = 954.8
- ➔ Hệ thống sinh yêu cầu hủy lệnh giới hạn còn lại.

**Lưu ý:** Toàn bộ lệnh điều kiện chỉ có giá trị trong ngày, cuối ngày toàn bộ lệnh chưa được thực hiện sẽ bị hủy.

Xin cảm ơn!